TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 4

CHƯƠNG I - PHẦN 4: DỊCH KINH

(Chánh truyện có hai vị)

1/ Truyện ngài Thích Huyền Trang chùa Đại Từ Ân ở kinh đô.
2/ Phạm Tăng Na-đề chùa Đại Từ Ân ở kinh đô.

1/ Truyện Ngài Thích Huyền Trang trụ chùa Đại Từ Ân ở kinh đô.

Thích Huyền Trang, ngài vốn tên Vĩ, họ Trần, là con cháu của Hán Thái Khâutrọng cung.Con cháu dời đến ở Hà Nam, nên là người họ Hầu ở thị, Lạc Châu. Ông nội Sư là Khương Bắc Tề Quốc tử bác sĩ, Cha của ông mẫn tuệ, sớm thông kinh thuật, thân cao 08 thước, mặt mắt sáng trong, được phong làm Giang Lăng lệnh, nhưng từ chức mà lui về. Lúc ấy là khoảng niên hiệu Đại nghiệp (sáu trăm lẻ năm- sáu trăm lẻ bảy) đời Tuỳ. Các vị thức giả lấy làm khắc trọn. Đợi chờ ẩn trầm nên thế. Ngài có người Anh vốn xuất gia trước, tức là Pháp sư Trưởng Tiệp, dung mạo rực rỡ, hình nghi khí cục khôi ngô anh tú. giảng nói giải thích nghĩa kinh, người học rất đông.Hiện trụ chùa Tịnh Độ ở Đông Đô. Nhân thuở thiếu thời, Sư bị khốn khổ nên anh Sư vì thế mà dắt. Thường ngày giao cho tinh lý, cạnh đó kiêm xảo luận.

Năm mười một tuổi, Sư đọc tụng các Kinh Duy-ma, Pháp Hoa. Tại Đông Đô thường độ tăng, Sư bèn dự cùng xuất gia. Từ đô, Sư là bậc phát chánh chân cao vợi, đồng bạn chẳng sánh bằng, Sư miệng đọc mắt lược xem qua không thiếu sót. Thấy các vị Sa-di đùa bỡn quá lắm, Sư bảo rằng: " Trong kinh chẳng dạy răn ư? Hễ là người xuất gia thì thực hành theo Pháp vô vi, chứ đâu lại thường làm trẻ con đùa bỡn? Đáng gọi là luống không một đời". Sư nghĩ suy ôm hoài nghiêm chỉnh, còn xem thường mà chẳng chọn lựa. Sư vượt hẳn mọi người,, nên để lại hình nghi trước lời nói.

Bấy giờ, ở Đông Đô, pháp sư Tuệ Nhật đang mở rộng Pháp tịch, thường giảng nói các Kinh luận như Niết-bàn, Nhiếp Luận, Luân trì. v.v....Sư đến nghe thọ, sớm tối tư duy chọn lựa. Tăng chúng lấy làm lạ, mừng vui kính phụng, ngợi khen phong thái của Sư. Mến kính Sư như thầy bạn cùng dự vinh hạnh. Đại chúng trọng chuộng công phu học hành, mở lớn việc làm. Lúc ấy, Sư vừa mới mười lăm tuổi. Do đó, Sư chuyên môn thọ nghiệp mà tiếng tốt vang xa.

Trong những năm còn lại của niên hiệu Đại nghiệp (...sáu trăm hai mươi bảy), giặc giã đói kém, hai duyên pháp và thực không ai cứu giúp. Nhờ có Sa-môn Đạo Cơ cởi khai hóa, dẫn dắt pháp tục. Tăng tục đều khâm phục kính trọng. Sư và anh bèn cùng theo, đi đến Trường An trụ chùa Trang Nghiêm. Lại chẳng phải chỗ vốn hoài mong của Sư, nên đi về hướng Tây, vượt gác kiếm. Khi đã đến Thục đô, Sư liền thọ học Luân A-tỳ-đàm. Chỉ một lần nghe qua liền nhớ ghi, thấy xứng với người xưa, tùy lời xét lý lại cao trội khác thường v.v... Còn như các Bộ Tỳ-bà Quảng Luận, Tạp Tâm huyền nghĩa, không thứ nào Sư chẳng nghiên cứu đến tận cùng ngõ ngách, ngọn ngành vóc dáng. Nhưng các bộ luận ấy tại Trung Hoa đã truyền bá, giảng diễn rất nhiều, các bản chương sao đồng dị tính ra có hơn hai mươi thứ đều kết tập, cất trong tứ phủ, văn trì tự nhiên. Còn như đối với thuyên chỉ được mất, mà Sư hay dẫn dùng không mắc kẹt, người đương thời đều sinh ngờ vực về sức ghi nhớ của Sư thật từ xưa ít có. Sa-môn Đạo Cơ thường ngoài trông nhiều mà khen ngợi Sư rằng: "Từ lúc trẻ, tôi đã đến nhiều trường giảng, song, chưa từng thấy vị thiếu niên nào thần ngộ như người này!" Bạn Đạo nghe học ở torng Pháp tịch đều gọi Sư là "Anh hùng". Bốn phương nhiều vấn nạn, tất cả đều trở về thưa hỏi. Sư cùng xưng tán, qua miệng truyền lời.

Có Pháp Sư Tăng Cảnh là người giảng về Nhiếp Luận, tiếng tăm vang vọng cả Ca Diên. Người đời cho là khó có thêm được người nào nữa tìm tòi được tinh xét. Tất cả đều do Pháp Sư theo tông chỉ, y cứ góc cạnh sâu sắc, cân nhắc rõ ràng. Xưa nay, Nhiếp luận có mười hai trụ nghĩa, trong ngoài gồm có mười hai nhà giải thích vạch bày, giảng truyền trì tụng, dần hồi dẫn đến có lắm mịt mờ. Mà Sư (Huyền Trang) ban đầu mới nghe qua, ghi nhớ không sai lầm mảy may. Lên pháp toà lần lượt trình bày, chẳng cần nương theo nữa. Bèn giải thích lại, hình trạng vượt cả sự đã thành trước. cùng loại như thế có rất nhiều, không thể nói hết được.

Niên hiệu Võ Đức thứ năm (sáu trăm hai mươi hai)- thời tiền Đường, lúc đó Sư mới hai mươi mốt tuổi, vì các Học phủ, Sa-môn Hùng

Bá mà giảng "Luận Dương Tâm", chẳng nhìn lời văn mà đọc giảng trôi chảy khôn cùng. Người đương thời xem Sư như là vị "Thần". Nếu chẳng phải thần làm sao có khả năng như thế? Sau đó, Sư cùng anh cùng trụ tại Chùa Không Tuệ ở Ích Nam. Sư tự riêng suy nghĩ rằng: "Học qúy ở chỗ kinh xa nghĩa trọng, sơ thông xét ngưỡng một phương, chưa thể thành sâu sắc!" Có Sa-môn Đạo Thâm thể ngộ Thành Thật, sức học dồi dào, đang nắm quyền hoằng hóa, chấn chỉnh giềng mối ở Triệu bang Sư phấn phát từ nội tâm, sắp bỏ Ba Thục. Pháp Sư Trưởng Tiệp rất biết Sư suy lường xa xăm. Với tình cảm đoái hoài thường xuyên khuyên lơn cố gắng, mà chính ý Sư đã đi, thề không trở lại. Nên Sư bèn cáo biệt giả duyên, đi đến Giang Hiệp. Trên đường trải qua các Châu Kinh, Dương v.v.. hỏi thăm những người bên cạnh đi chung đường, chẳng ai biết về đến chỗ nào. Sư bèn theo hướng Bắc đi đến nơi tham cùng dũng khởi, vốn noi theo mừng hỏi khắp nơi không bỏ sót, trước sau ròng rã suốt mười tháng, nương nhờ sắp hết. Bấy giờ, học chúng ở Yên Triệu cùng nhìn nhau như gặp thu, đi sau mà đến trước, chỉ có người ấy.

Có Sa-môn Tuệ Lâm, tiếng tăm đạo hạnh cao xa, hành giải tương ưng, khoa tráo xưa nay, riêng một mình ở trong đất Nghiệp, xướng dạy truyền trao, ngôn từ ý chỉ sắc bén, cả nước đều đề cao kính trọng. Sư lại tìm đến theo học, đối với người từ khi mới sinh đến giờ chưa biết mặt, nhưng vừa mới gặp thì như thân quen xưa cũ, bỏ hết lễ nghi thầy trò, mọi sự đều bình đẳng như bạn đạo. riêng vì một mình Sư mà giảng Tạp Tâm, nhiếp Luận, chỉ vạch chỗ sâu ẩn, vẽ bày giềng mối. Liên tục suốt tám tháng Sư nhận lành thù đáp không nhàm chán. Sa-môn Tuệ Lâm kinh lạ hết lời khen ngợi, vỗ tay mà ca ngợi Sư rằng: "Người ít có ở đời chính là Ông!"

Sa môn Đạo Nhạc là bậc Tông sư về luận Câu-xá, chuyên mở mang Hữu Bộ, bao trùm các lãnh tụ, nuốt nạp vào lòng, dấy sự nghiệp ở chốn kinh kỳ, bày khuôn phép cho cùng học chúng, Sư bèn lại theo. Mở dấu vết nơi kinh đô, vạch đường ở nghĩa uyển. Sa-môn Đạo Thường là bậc lừng danh một thời, sửa sang sắp đặt giáo ngộ, đồ chúng đông đúc như rừng. Sư vừa mới nêu một hỏi mười, đều được trình bày đến chỗ sâu kín. Ngồi trong kỷ tử, nghĩ những điều chưa nghe, do đó mà Danh tiếng vang khắp Đạo lưu, tiếng thơm ngày một lan tỏa! Có Sa-môn Tăng Biện là bậc Luận sĩ Pháp Luân, đứng đầu các bậc căn cơ lanh lợi, bảo Sư cùng đến chung tòa và nói là đệ tử của tôi chỉ vì một Bộ Luận Câu-xá, từ kia chưa từng được nghe." Nhân đó mà đáp lại, sớm tối thưa hỏi. Ngài Đạo Nhạc xét nghĩ tình cảm đậm đà đến như tuệ ngộ, vạch bày

sáng tỏ, nhạc thuyết khôn cùng. Tùy sự lục loại sâu ẩn, nghiên cùng gặt hái, thử nếm khắp cùng rốt ráo.

Sa-môn Huyền Hội là bậc tông tượng phân tích Niết-bàn, san bổ các bản cựu sớ, lại trương bày cầm sắc, Sư trước tiên nương tựa đó mà thưa hỏi, gần bên cạnh đầu mối pháp tịch dò hỏi chất vấn hồi lâu, tự nhiên bừng sáng dứt hết mọi vướng mắc.

Bộc-Xạ-Tống-Công Tiêu Vũ kính trọng khả năng dĩnh ngộ vượt thoát của Sư, bèn trình tấu thỉnh Sư trụ tại chùa Trang Nghiêm. Nhưng đó chẳng phải bổn hoài ý chí của Sư, Sư lại suy nghĩ rằng: "Ta đi khắp các xứ Ngô Thục, rão cùng Triệu, Ngụy, cuối cùng lại đến Chu Tần, đến dự các thường giảng, dẫn tới đều dẫm lên. Ngôn lệnh đã bày bố dù chứa nhóm trong ngực trong bụng. Từ Tông chưa tuôn trào, chẳng chỗ mở thêm. Nếu chẳng xem nhẹ coi thường mạng sống phát thệ nguyện đi đến Hoa Tư, làm sao có thể đủ lễ thành lời, dụng thông thần giải? Một khi đã thấy được Minh Pháp, rõ nghĩa chân Văn, cần trở lại Đông Hoa để truyền bá mở mang Thánh Hoá. Thi các bậc Tiên Hiền cao thắng đâu quyết nghi đối với Đức Di-lặc. Các hàng Hậu tấn dĩnh ngộ bén nhạy làm sao tiếp nối ý tưởng đối với Luận Du-già ư?" Lúc đó, Sư vừa tròn hai mươi chín tuổi, Sư bèn cố gắng một mình riêng nêu, tự đi đến cung quyết, lấn dâng Biểu văn trình bày, mà quan hữu Ty chẳng vì đưa đến. Sư đành dừng vết ở chốn kinh đô và các xứ vùng ven, rộng ra đến các chốn Phiên ngung, học khắp các Thư ngữ, đi và ngồi đều tìm xét, chỉ vài ngày đã thông. Bên cạnh chỗ ngồi, Sư thường xoay mặt về hướng Tây vực mà nghĩ ngợi lắng nghe cơ hội và thời gian.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (sáu trăm hai mươi chín) gặp thời thế đói kém Vua Thái Tông (Lý Thế dân) ban sắc cho các hàng Đạo tục, tuỳ đến các nơi. May nhân thời gian đó, Sư bèn sang Cô Tàng rồi dần đến Đôn Hoàng. Đường đi từ Thiên Tải, mang theo lương thực chiếc bóng, trông nhìn phía trước mà lo lắng, chỉ thấy bãi cát bằng phẳng, không dấu chân người đi qua. Sư bèn bồi hồi phó mặc thân mạng, tùy nghiệp mà dấn thân bước tới trước, lần lượt men dò, Sư đi đến đất Cao Xương.

Ban đầu, Sư trụ tại Lương Châu, giảng nói kinh luận, các hàng sĩ thứ ở Trung Hoa và các nơi đến nhóm họp quy tông rất động, thương khách lan truyền vang vọng đến các vùng ven. Vua nước Cao Xương là Khúc Văn Thái rất kính tin kinh Phật. Lại nhân nghe Sư sắp đi về hướng Tây, nên luôn đặt các nhà trạm dùng ngựa đưa tin khắp nơi trong nước cùng đón rước. Bỗng nghe tin Sư đến, bèn đứng đợi thâu đêm.

Vương mẫu phi cầm đuốc đứng trước Điện. Thấy Sư trải qua lắm thứ khó khổ, Bà dùng đủ lời nói về ý ấ, cả cung đều rơi lệ, kinh lạ cho là ít có. Nên thỉnh Sư ở dừng lại kiết hạ an cư. Đồng thời thỉnh Sư khai giảng mở mang. Nhà vua kết nghĩa với Sư, Sư làm Em, làm con Vương Mẫu, cúng dường cung cấp mọi thế lễ rất nồng hậu. Mỗi ngày thường đến. Nhân đó, Sư bèn khai giảng các Kinh Nhân Vương, v.v... và các thứ cơ giáo. Đạo tục thảy đều quyến luyến, đều cầu mong Sư ở lại lâu dài. Sư bảo rằng: "Tôi vốn muốn mở mang Đại hóa, xa khắp nước nhà, chẳng từ mạng hèn nhận chịu sự chết mà tìm đến Tây Vực. Nếu như lại dừng ở đây thì chẳng những. Không chỉ tự thiếu tâm chí phát túc, mà còn sợ đều là Pháp Chướng!" Sư bèn bỏ ăn ba ngày, thấy ý chí Sư cùng cực như thế bèn không ai còn dám mở lời. Vương Mẫu bảo rằng: "Nay cùng Pháp sư một lần gặp gỡ đều là nghiệp nhân duyên xưa. Nếu lúc đã đạt được thành quả thỏa lòng mà trở về phương Đông, xin nguyện lại nên rủ lời răn bảo!" Và bèn cùng nắm tay Sư truyền Hương tín, thề làm mẹ con. Khúc Văn Thái rơi lệ nắm tay mà từ biệt. Và bèn ban sắc cho Điện Trung Thị Lang mang năm trăm xấp vải, hai mươi bốn phong thư, và cấp cho sáu mươi người cùng cưỡi ngựa đi theo, tiễn đưa Sư đến Đột-quyết Diệp hộ Nha Sở. Vì có hơn sáu mươi nước ở phía Bắc núi Tuyết đều do Khúc Văn Thái làm Bộ thống nên như thế. Lại sai bảo truyền đạt tin Sư tới nên mở đường trước.

Ban đầu, Sư đến Nha Sở, tín vật gấp bội lắm lạ khác với lệ thường, cho đó là Em và Con. Sư bảo cho biết rõ sự tình. Cuối cùng có sự không tin. Khả-hàn (vợ vua Đột-quyết) mến trọng các của vật đút lót ấy, sai sứ cưỡi ngựa báo cùng sở bộ ở các nước. Chỉ nơi nào có Danh tăng Thắng địa thì phải đưa Sư đi đến. Khi đó các đoàn cỡi ngựa liền nhau có đến hai mươi người, lớn mạnh như Hoàng Hoa. Trên đường đi trải qua các nước lần lượt tham hầu, cung cấp mọi thứ gấp bội, ưu việt hơn trước. từ Cao Xương đến Thiết Môn trải qua tất cả mười sáu nước, người vật hơn kém, kính phụng tin trọng thuần thục, đều có nói đủ trong các Đồ truyện. Thiết Môn tức là Thiết Môn quan, thuộc phía Tây Bình của Đất Hán. Vào núi sâu năm trăm dặm, bên cạnh không có con đường nào khác, chỉ có một con đường đi ra theo hướng Nam rất nguy hiểm, bặt bóng dáng người vật. Hai bên vách đá đứng sững cao vút ngàn nhận, mầu như sắt, nhân đó mà gọi tên. Thấy cánh cửa Hán-môn một đứng một nằm, ngoài sắt trong gỗ, lại treo thêm các thứ chuông linh, hẳn là để ngăn che ải ấy, thật chỉ có trời xanh. Từ phía Nam đi ra cửa ấy, đất ruộng ấm áp, hoa quả tốt tươi. Xứ đó tên là "Đổ-hoá-la" bề ngang

hơn ngàn dặm, bề rộng hơn ba trăm dặm, phía Đông xa tận đến Thông Lãnh, phía Tây tiếp giáp với Ba-tư. Phía Nam là núi Tuyết lớn và phía bắc là điểm cứ từ Thiết môn, quấn quanh trong dòng sông lớn phát xuất dòng chảy từ phía Tây, tức trong các kinh thường gọi là sông "Bạt-xoa". Ở Địa vực ấy tự chia thành hai mươi bảy nước. Mỗi nước đều có vị Quân trưởng tin trọng Phật giáo. Chư Tăng ở xứ đó lấy ngày mười sáu tháng mười hai bắt đầu an cư cấm túc theo tiết xuân phân, vì vào thời gian đó thời tiết ấm nóng nhiều mưa.

Lại đi thẳng tới trước, trải qua mười ba nước, đến nước Phược-hát, đất đai xa rộng bát ngát. Bấy giờ theo tập tục gọi đó là Xá thành Tiểu Vương. Nước ấy gần với Diệp Hộ nam nha. Theo phép thông thường tại xứ Đột-quyết thì mùa Hạ ở chốn đồng trống phía Bắc hoa cỏ tốt tươi, thả súc mọi vật là tốt hết. Mùa đông thì ở trong núi, vì để ngăn bớt giá lạnh. Nên có hai chỗ Vương Đô. Về phía Tây nam ở ngoài thành có một ngôi chùa, trong chùa ấy có cái bồn Phật tắm có thể dung chứa một hộc và cái chổi Phật quét, và có răng phật. Giữ gìn rất trang nghiêm, sợ khó cho trông thấy, Sư là Quốc sứ nên đích thân được mang đội trên đảnh đầu. Cách phía Tây bắc không xa có hai thành Đề-vị, Bà-lợi, có ngôi tháp cao tận đến hư không tức là nơi bổn Ấp của Trưởng giả cúng dâng bột gạo rang lúc Đức Phật mới Thành Đạo đó là ngôi tháp tôn thờ tóc và móng tay Phật.

Lại theo hướng Đông Nam đi đến trong Núi Tuyết cách hơn bảy trăm dặm, tới nước Phạm Diễn. Ở đó, Tăng chúng có vài ngàn vị, chuyên tu theo Xuất Thế Bộ. Tại núi thuộc phía Bắc vương thành có xây dựng pho tượng đá cao năm trăm thước. Ở phía Đông thành có tượng Phật nằm dài hơn ngàn thước và xây dựng với hình thức các tinh xá nối tiếp nhau, dùng vàng và các vật báu trang nghiêm loé sáng mắt người. Những ai trông thấy thảy đều ngợi khen. Lại có Xá-lợi răng Phật, răng của vị Duyên giác ở thời kiếp Sơ, dài đến năm tấc,răng của Kim Luân Vương dài ba tấc. Và bình bát, pháp y chín điều mầu đỏ của Tổ sư Thương-na-hòa-tu vẫn hiện còn. Lại từ phía Đông núi đi đến nước Ca-tất-thí. Ởđó, sự kính tin tôn trọng Phật pháp càng cao sâu, chư tăng có sáu ngàn vị, phần nhiều là tu theo kinh Pháp Đại thừa. Vua nước ấy tạo lập tôn tượng bằng bạc cao trượng tám, mời thỉnh khắp cả xa gần, rộng dựng lập Danh đàn. Ở nước đó có chiếc răng của Đức Phật ở kiếp đang tu Đạo Bồ-tát, dài một tấc. Lại có tóc dài hơn cả thước, kéo dài ra và buông ra thì thun lại theo hình xoắn ốc. Phía Bắc xứ đó, Dân chúng lẫn lộn giữa chủng tộc người Hồ và rợ Nhưng. Chế độ ăn mặc, cử chỉ

không giống như ở Đại Hạ (Trung Hoa) gọi đó là "Biên Quốc Mật-lợi-xa loại" Hán dịch là "Chủng tộc cấu trược".

Tiếp đi đến phía Đông khoảng bảy trăm dặm là nước Lạm-ba, đó tức là phía Bắc Ấn-độ. nói Ấn-độ tức là từ gọi đúng của Thiên-trúc. Còn nói là "Thân-độc" hay "Hiền-đậu" đều là gọi sai. Nói về xứ đó thì lưng phía Bắc là núi tuyết, ba phía còn lại giáp với biển lớn. Địa hình ở phía nam hẹp như vầng trăng thượng huyền (mồng bảy tháng tám) sông bằng rộng trải dài hơn chín muôn dặm. Có hơn bảy mươi nước ở trong đó. Bấy giờhoặc do trái phânlược Địa Vực là Nước, nay thì khắp cả vùng ven cả ba biển cùng đồng một lệnh vua.

Ở phía đông núi tuyết, đến nước Na-già-la-hạt, là nói xưa kia khi Đức Phật tu hạnh Bồ-tát trải tóc phủ bùn, nói rõ trong các kinh, ý có nghi ngờ thì tìm xét khảo bàn về Bổn sự, tức từ Hiền kiếp trở về trước, 03 Đức Phật Liên Hoa, Định Quang và Danh Thù đã chẳng đồng trong một kiếp lại thường bị Hỏa tai, vì sao ở chỗ xưa đến nay vẫn còn đất bùn ướt? Nếu cho là luống dối, thì Phật chẳng nói dối. Như các Luận sư mỗi vị tự bày nêu kiến giải khác nhau, có luận sư nói rằng: "Đó thật là Bổn địa, Phật không nói dối, truy trải qua kiếp hoại, nhưng do chỗ Bổn không, do nguyện lực trang nghiêm như Nhân sự. Đó đều là do Đức Như Lai lưu hóa, vết tích ấy vẫn thường còn, chẳng đáng lấy làm lạ. Nên tại thắng địa ấy ở phía trái có xây các ngôi tháp; tức là tên gọi đúng của linh tháp. Còn nói Thâu-bà-đẩu-sát-bà là gọi sai. Vua A-dục, Hán dịch là Vô Ưu, ông hậu không được thấy Phật, khởi các cảm luyến, nên khắp các Thánh tích đều dựng có lập Minh ký. Vì vậy ngay tại chỗ đó xây ngôi tháp đá cao hơn ba mươi trượng. Lại có ảnh Phật trên vách đá ẩn giấu các tướng, đều dựng nêu ghi, đồng thời giống như trước.

Cách phía Nam Thành không xa, trong thành Hê-la có xương đảnh của Đức Phật, chu vi to lớn một thước hai tấc, tướng trạng cao bằng hình dáng như lọng Trời, đầu Phật phủ đầy như mâm lá sen.mắt Phật tròn, tròng mắt hình trạng như lý, lắng trong sáng ngoài. Có Đại y của Phật mầu vàng đỏ. Tích trượng của Phật, dùng sắt làm vòng, dùng gỗ Đàn hương mầu tím làm thân cán. Năm Thánh tích này đồng ở trong một thành. Việc giữ gìn bảo trọng được coi như là Di sản vật báu của nước nhà. Phía bắc thì gần nước Đột-quyết, xưa kia đã từng có lần xâm chiếm cướp đoạt. Tuy nhiên, đến nơi thì chỗ ấy biến mất, đó là tùy duyên ẩn hiện, không hề bị uy phong binh lính cướp phá.

Sư kính cẩn được trông thấy linh tướng mà buồn cảm lệ tràohoen my. Tự tay bốc vung bột hương đích thân trông thấy thể trạng, lại càng

vui mừng gấp bội. Liền lấy hoà hương ấn vào xương đảnh, trông thấy có điềm lành, lại càng vui buồn lẫn lộn.

Gần đó, có vua xứ Bắc Địch Đại nguyệt Chi muốn biết quả báo ở tương lai, bèn dùng Hương để xem tướng, thì hiện bày ra hình tướng con ngựa,rất trái với sự mong cầu.Vua bèn tu tạo các việc bố thí, tích công sám hối, lại dùng hương để lấy tướng thì hiện ra hình sư tử, tuy ở địa vị chúa tể muôn thú nhưng vẫn thuộc loại súc sinh. Vua lại tinh thành quy hướng nương tựa gấp bội, bèn hiện hình người, trời. Khi ấy, vua mới trở về nước cũ.Thấy năm tướng và một đồng tiền vàng, người lấy bảy tướng trả bảy tiền vàng. Vật báu do lợi thế tục ấy được sung vào Vật Phước. Đã chẳng phải do chư tăng trông coi, thì giữ gìn càng tôn trọng. Không luận là kẻ đạo người tục đều phải trả giá trước. Sư được lệnh vua nên trông xem khắp cùng. Chư tăng các nnước bên cạnh nương vinh hạnh trọng vọng ấy đồng đến lễ yết.

Từ phía đông núi, đi đến nước Ma-kiệt-đà, ở đó có hơn ngànngôi chùa Phật giáo, Dân chúng tín ngưỡng xen lẫn. Trong thành vốn có miếu thờ bình bát đủ mọi thứ trang nghiêm. Xưa kia, Đức Như Lai mang Bình Bát đến miếu ấy. Mới mấy trăm năm, nay dời đến trong cung vua nước Ba-tư để cúng dường.Phía đông thành có ngôi tháp lớn của vua Ca-ni-sắc-ca, chu vi nền tháp rộng một dặm rưỡi. Xá-lợi Cốt Phật có đến một Hộc được cất ở trong. Tháp cao hơn năm trăm thước, tướngluân trên dưới có hai mươi lăm lớp, bị tai hoạ lửa trời, nay được xây dựng lại. Đô là nơi mà trong đời gọi là "Tước-ly phú-đồ. Vào thời Nguyên Ngụy (ba trăm tám mươi lăm-năm trăm ba mươi bốn), Linh Thái Hậu họ Hồ rất Kính tin, bảo ra môn đạo Sinh.v.v... mang phướn lớn dài hơn bảy trăm thước sang đó để treo lên, thì chân mới tới đất, tức là tháp ấy. Và cũng không biết danh từ "Tước-ly" phát xuất từ nguyên do nào. Các di tích bên cạnh phía trái, có nhiều tướng trạng, gần là chỗ Các Ngài Thế Thân soạn luận Như ý, xa thì xả bỏ ngàn mắt đẹp Kính thờ cha mẹ, Danh sơn Đàn-đặc, bổn tích Đạt-noa, Tiên làm nữ loạn, Phật hoá quỷ mẫu đều ở trong cảnh vực ấy, và vua vô ưu đều vì xây dựng tháp đá, cao hơn mấy trăm thước, lập nên bia ký.

Từ phía Bắc núi đi đến nước Ô-trường-nạ, tức người đời gọi là nước Ô-trường thuộc Bắc Thiên trúc, chu vi xứ đó hơn năm trăm dặm, quả thật là hoàn bị, xứng đáng là nơi các nước trọng vọng. Theo truyện tích ghi chép thì đó là khu vườn xưa kia của Luân vương. Chư tăng có hơn muôn vị, đều học giáo điển Đại thừa, khắp bốn phía vương đô có lắm di tích của như: nhẫn Tiên Phật Chích, nửa kệ lánh đáp, chẻ xương

viết kinh, cắt thịt cho chim cắt ăn, thuốc rắn hộ mạng, uống huyết Dạ-xoa, các hình tướng ấy đều có trình bày đủ trong cảnh vực đó. Mỗi hình tướng đều đáng chiêm ngưỡng kính phụng, trong lòng Sư dâng tràn gấp bội nỗi niềm vui sướng. Về phía Đông bắc của thành cách gần ba trăm dặm có ngọn núi lớn suối rồng tên là A-ba-la, tức nguồn gốc sông Tín-độ, chảy theo hướng Tây Nam, trong kinh gọi đó là sông Tân-đầu. Vương Đô ở phía Đông nam vượt núi ngược lại dòng sông, có cầu sắt đường sạn đạo rất nguy hiểm. Đi hơn ngàn dặm thế đến dòng sông rất lớn, tức xưa kia là Vương Đô của Ô-trượng. bên trong có tôn tượng Bồ-tát Từ Thị bằng gỗ cao hơn trăm thước, do La-hán Mạc-điền-địa ba lần dẫn các người thợ lên cung trời trông xem trở về khắc tạo mới được hoàn thành, thân tướng tôn tượng trang nghiêm đặc biệt khó trình bày diễn tả.

Trở ngược lại xứ Ô-trượng, theo phía Nam đến nước Đát Xoa Thỉ-la, lại thấy Hồ của nầy Y-la-bát ở, chỗ Nguyệt Quang móc mắt, Vua Vô Ưu xây dựng ngôi tháp cao mười trượng. Phía bắc có Cửa Đá rất cao lớn, sừng sững như núi chồng lên nhau, đường đi từ bên trong mà qua. Đó lại là nơi Bồ-tát xả thân. Từ đó đi về hướng Đông nam theo đường núi rất hiểm trở, qua một nước nhỏ, vượt vài chiếc cầu sắt, gần hai ngàn dặm là đến nước Ca-thấp-di-la. Đó là nơi người đời thường gọi là nước Kế-tân, chẳng rõ danh từ Kế-tân do đâu mà có xem xét về địa vực nước ấy đồng như ở Kế-tân. Vốn là do La-hán Long Hải lấy đó, dẫn chúng mà trụ thông ba tạng, nên cảnh trí nước ấy bốn phía đều tựa vào núi, chu vi rộng hơn bảy ngàn dặm, cửa đi rất hẹp. Tăng chúng có đến năm ngàn vị, phần nhiều là tu học theo phái Tiểu thừa. Tại nước ấy có vị Đại Đức tên là Tăng Thắng, Sư đến cầu học các bộ Luận Câu Xá, Thuận Chánh lý, Nhân minh, Thanh minh và Đại Tỳ-Bà-Sa, v.v.. Vua nước đó rất kính thương Sư từ xa đến, nên cấp ban người viết tay cung cấp việc viết chép. Ở đó có Xá-lợi răng Phật dài hơn một tấc, sáng sạch như tuyết.

Từ nước Lạm-ba đến đó, các nước bao quanh núi, hình thể thô xấu, phong tục theo lối sống của người Hồ phiên. Tuy đi cùng khắp năm xứ, chẳng nơi nào bằng cảnh vực chính của Ấn-độ. về ở nơi hang núi, phong tục xen tạp các bên. Từ đây đi xuống phương Nam, nhìn suốt không có dãy núi nào, gần tới ngàn dặm thì đến nước Trách-ca, cảnh đất gắn liền Bình xuyên, Chu vi hơn muôn dặm, có hai dòng sông phân rẽ tuôn chảy, cây cỏ tươi tốt. Lúc đó, Sư cùng đồng bạn có hơn hai mươi vị đi đến trong Đại lâm, gặp phải bọn cướp, nên phải đánh trả mới được

toàn mạng, vào trong xóm ấy cầu xin mới tới được Đông Cảnh. Ở Đại Lâm có vị Bà-la-môn, đã bảy trăm tuổi mà dung mạo như mới 30, thông rành các Bộ Trung Luận, Bách Luận và các thứ sách vở của ngoại đạo, nói là Đệ tử của Ngài Long Mãnh. Sư bèn dừng ở đó một tháng mà thọ học.

Thẳng xuống hướng đông đến nước Na-bộc-đế, Sư đến chỗ Pháp sư Điều Phục Quang cầu học các Luận Đối Pháp, Hiển Tông, Lý Môn. Lại tiếp đi xuống hướng Đông, đến chùa Na-bà-la, Sư đến chỗ Luận sư Nguyệt Trụ, thọ học Chúng sự phân Bà Sa. Lại đi tiếp xuống hướng Đông đến nước Lộc-lặc-na, Sư tới chỗ Đại đức Xà-na-quật-đa, thọ học Kinh Bộ Bà-sa. Sư lại đến chỗ Luận Sư Mật-đa-tê-na, thọ học Bộ Biện Chân Luận của Tát-bà-đa. Dần dần đi theo hướng Đông nam, trải qua sáu nước, phần nhiều đều có các di tích. Vua Vô Ưu xây dựng ngôi tháp cao hai mươi trượng, số lượng ấy chẳng phải ít. Trong đó, có nước Mạt-miễn-la rất nhiều dấu vết manh mối. Về phía Đông thành cách chừng sáu dặm có một ngôi chùa núi. Xưa kia, Tổ sư Ưu-Ba-Cúc-Đa, Hán dịch là Cận Hộ, tức là một trong năm vị Tổ sư đầu tiên, tạo dựng nên và ở tại đó. Phía Bắc có thất Nham Thạch cao hơn hai mươi trượng, rộng ba mươi bộ. Bên cạnh đó không xa có cái hố mà con Di hầu bị rơi xuống, chỗ bốn Đức Phật đi kinh hành, chỗ các vị Hiền thánh thường y cứ an trú, có rất nhiều điềm lành.

Lại cũng theo hướng Đông nam, đi qua bảy nước thì tới nước Kiếp-tỷ-tha, phong tục ở đó kính thờ trời Đại Tự Tại. Các tịnh Xá ở đó cao hơn trước, bên trong thờ Thiên Căn, hình dáng rất to lớn. Mọi người cho rằng các loài đều từ đó mà sinh ra, Vua dân thảy đều kính trọng, không lấy làm xấu hổ. Thiên từ ở các nước đều noi theo mà thiết trí hình tượng ấy. Ở Đại đô, các hàng di đạo có đến số trăm, trong đó, bậc tối cao phần nhiều là Tự Tại. Có một ngôi chùa lớn, tăng chúng có năm trăm vị, các hàng tịnh nhân làm công quả có tới vài muôn người, đều cất nhà ở bên cạnh chùa. Trong đó lại có ba đường thềm cấp, sắp bày theo hướng Nam Bắc. Tức nơi Đức Phật vì Thánh mẫu mà lên an cư kiết hạ tại cung trời Đạo-lợi và giảng pháp, sau khi hoàn mãn trở về, do Trời Đế-thích tạo lập nên. Nền móng thềm báu đều đã bị khỏa lấp hết. Về sau, vua phỏng theo chỗ nền đất cũ, cao hơn bảy mươi thước. Vua Vô Ưu đến dựng xây trụ đá cao hơn bảy trượng, sáng sạch chiếu người. Tùy người có tội phước mà ảnh hiện trong đó. Bên cạnh có nền đá cũ, chỗ bốn Đức Phật thời kiếp Hiền đi kinh hành, dài hơn năm mươi bộ, cao bảy thước, chỗ dấu chân dẫm lên đều có vân hoa sen.

Cách nước ấy không xa, về hướng Tây Bắc chừng hai trăm dặm là đến nước Yết-nhã-cúc-xà, Hán dịch là "Khúc nữ thành". Vương Đô đến tận sông Căng-già, tức là tên chính của sông Hằng. Nguồn gốc từ phía Bắc chảy đến, phát xuất tại núi Tuyết. Ở đó, Tà Chánh đều xen tạp kính ngưỡng, Tăng chúng đông đến hàng muôn vị, có lắm Thánh tích. Chỗ bốn Đức Phật kinh hành, ngồi thiền chỗ bảy ngày đức Phật giảng pháp, tháp thờ răng, tóc, móng tay v.v.. Đức Phật. Tinh xá có hơn ngàn ngôi, các chùa nổi tiếng dị tướng phần nhiều đến tận phía Bắc dòng sông. Sư ở tại nước đó thọ học Phật Sứ Nhật Trụ nhị Tỳ-bà-sa với Tam Tạng Pháp Sư Tỳ-da-tê-na, suốt trong ba tháng. Vua nước đó hiệu là Giới Nhật. Dùng Chánh Pháp trị nước hơn năm mươi năm. Nói Giới Nhật tức là tên Thụy. Tại xứ đó, người sau khi chết, lường xét về đức hạnh mà phong tặng. Tại xứ đó, ban đầu mới đến tức trước là dâng hiệu, sau khi chết mới ngợi ca xưng tán hư danh. Nay vẫn hiện còn ở thế gian bao gồm cả năm xứ Ấn-độ. ban đầu, vua Giới Nhật trị vì một nước nhỏ ở vùng ven. Trước đó có vua Thất-khương-khư, uy hành trong nước, bạo ngược vô đạo, giết hại giòng họ Thích, nhổ gốc cây Bồ-đề, phá tiệt mầm rễ, lựa các bậc danh đức hơn ba trăm vị mà chôn sống, ngoài ra, còn lại đều sung vào làm nô lệ. Vua Giới Nhật biết rõ gieo trồng mối họa, bèn cùng các quan đi đến nơi hố cây Bồ-đề, lại phát Đại thệ nguyện rằng: "Nếu tôi quả thật có Phước, thống trị cả nước, có thể dựng xây lại ngôi nhà Phật Pháp, thì nguyện cây Bồ-đề từ đất mà mọc lên". Nói vừa xong, bỗng thấy mầm cây Bồ-đề từ trong hố mọc ra lớn nhanh như thổi. Vua bèn trở về chiêu tập Binh mã, đến chỗ vua Thương-khư. Do năng lực uy phước nên liền trừ diệt. Do đó, ôm giữ tâm tín thành, dốc lòng gấp bội so với lúc mới phát tâm. Vua Giới Nhật hoàn toàn thống trị cả năm phương. Tượng binh có đến tám muôn, Quân uy đến đâu đều cậy nhờ sức lực. Và vốn không ăn dùng các thứ máu thịt, nơi nào có Dê, vua đều đem tiền mua chuộc, thí xả vào chư tăng, dùng để cung cấp sữa Lạc. Cứ năm năm, một lần trút hết kho tàng mà bố thí, kho tàng hết thì lại chứa để, đến thời lại thực hành Bố thí. Cứ lấy như thế làm lệ thường. Nếu có người trái phạm phép vua, cho đến kẻ tạo tội phản nghịch đáng xử chết, thì vua đưa đến vùng đất xa xôi hẻo lánh, ngoài ra, tội nhẹ thì trừng phạt, thật chẳng thể đủ lời để nói. Nên trong các nước thường xảy ra trộm cướp, chẳng nhờ bạn cứu giúp, không thể vọng tiến.

Lại theo hướng Đông nam, đi hơn hai ngàn dặm, trải qua bốn nước thuận theo bên cạnh dòng sông Căng-già. Bỗng nhiên gặp phải giặc

Thu cần người để cúng tế trời. Trong thuyền cùng đi với Sư có đến tám mươi người đều bị bắt trói. Và Chỉ chọn Sư là người rất đáng dâng cúng tế trời thọ hưởng. Nhân đó, bọn chúng kết đàn trên bờ sông, dẫn Sư đến để trong đàn. Ban đầu, mới thiết lễ, lại đem đến thêm một cái vạc, ngay lúc ấy, không cách gì để cầu cứu, Sư bèn chuyên chú quán tưởng Đức Từ Tôn Di-lặc Như Lai và Đông hạ Trụ trì Tam Bảo. Riêng phát thệ nguyện rằng: "Những người kia vận mạng chưa dứt, họp nhau mong được thả, nếu họ không nộp mạng thì thế nào?" Khi ấy cả thuyền đồng một lúc buồn thương gào khóc. Bỗng nhiên gió dữ nổi lên khắp bốn phía. Thuyền giặc lật úp đắm chìm, cát bụi tung bay, bẻ gãy cầu gỗ, tất cả đều khiếp sợ. Mọi người lại bảo với bọn giặc rằng: "Người ấy (tức chỉ Sư) thật đáng thương, chẳng chối từ nguy nan, chuyên tâm về Pháp. Làm việc lợi ích cho khắp biên thùy. Nếu các ông giết người ấy thì tội không gì lớn bằng. Thà giết chết chúng tôi, chớ nên giết người ấy!" Bọn giặc nghe thế, bèn ném mũi nhọn, đảnh lễ hổ thẹn, cầu xin thọ giới, ăn năn tội lỗi. Và thả tất cả, tùy mọi người đi đâu thì đi.

Ngài bèn đến xứ Kiều-thưởng-di, ở đó các hàng ngoại đạo rất hưng thạnh. Trong thành Vương Đô có tinh xá thờ Phật cao sáu mươi thước, ở trong có tôn tượng bằng gỗ Đàn hương, tức là pho tượng mà xưa kia do Vua Ưu-điền phỏng theo hình ảnh trên cõi trời mà tạo nên. Bên cạnh đó có hang rồng, và nhiều Thánh tích. Sư lại theo hướng Đông Bắc, đi hơn ngàn dặm, đến nước Thất-La-Phạt-tất-để, tức là tên gọi đúng của Xá-Vệ-Xá-Bà-Đề. Sư đưa mắt nhìn quanh thảy đều đã hoang tàn hủy hoại, chỉ còn lại nền móng cũ. Cung vua Ba-tư-nặc, nhà cũ của Cư sĩ Tu-đạt, nền đất vẫn còn. Cách phía nam thành chừng năm dặm có rừng Thệ-đa, tức vườn Kỳ-hoàn, do Thắng quân vương thần Thiện thí xây dựng nên. Nay chùa đã đổ nát chỉ còn có trụ đá cao bảy trượng do vua Vô ưu xây dựng. Bên cạnh có ngôi thất xây dựng bằng gạch. Ở trong an trí tôn tượng đức Như Lai vì Thánh mẫu mà nói pháp. Ngoài ra, các viện vũ đều bị vùi lấp mất hết. Chỉ có chỗ Đức Phật tắm gội cho vị Tỳ-khưu bị bệnh. Chỗ Ngài Mục-kiền-liên nâng y của ngài Thân Tử. chỗ Phật Dị Luận, chỗ ngài Thân Tử tranh tài, chỗ vua Lưu Ly qua đời, chỗ Đắc Nhãn lâm. Chỗ Bổn sinh địa của Đức Phật Ca-diếp-ba. Các chỗ như trên đều có dựng tháp đá, và đều do Vua Vô ưu tạo lập nên. Cách phía Đông chùa không xa, có ba cái hố rất sâu và lớn, tức là chỗ Điều-đạt, Cù-ba, cô gái Chiến-già bị đất rút. Hố ấy rất sâu tối, nhìn không thấy đáy. Từ xưa tới nay những trận mưa lớn trút nước mà không bị tràn đầy.

Lại đi về hướng Đông gần bảy trăm dặm, là đến nước Kiếp-tỳ-la Phạt-tốt-đổ, tức là thành đô Ca-tỳ-la-vệ, nơi vua Tịnh Phạn trị vì. Ở đó, chỉ còn lại tòa thành cũ trống rỗng không người ở. Thành xây bằng gạch và cung điện xưa cũ chu vi rộng mười lăm dặm. Có cả ngàn ngôi chùa hoang phế. Trong cung chỉ có một ngôi chùa hiện còn. Trên nền móng cung điện vương tẩm, còn có bài minh tháp, tức là chỗ Đức Như Lai Giáng thần. Ở đó, có thuyết nói là "Ngày mồng tám tháng năm là Thần lai giáng". Theo Thượng Tọa Bộ nói là "ngày mười lăm". Khác với sự thuật nêu của xứ này. Há có khác ư? Còn như tại Đông Hạ (Trung Hoa) kính chuộng Tố Vương là bậc Thánh, cùng định về niên toán, trước đạt còn mê lầm. Huống gì lịch có ba đời, lúc thuật ghi hiệu còn tự sai lỗi. Trông lại, chỉ lý vượt tình, cầu đến căn cơ mà ứng cảm, đều nương Quyền Đạo, thích hợp với biến làm trước. Đâu thể lấy mắt tai của người thường mà dùng thông đến chỗ cùng cực.

Ở hai phía nam bắc của thành có các ngôi tháp thờ nơi hai Đức Phật ở thời quá khứ đản sinh. Trụ đá bia minh của vua Vô ưu xây dựng rất nhiều. Ở phía Tây bắc thành đô có đến mấy trăm ngàn ngôi Tháp đều là các người trong giòng họ Thích đã chứng quả Thánh bị vuaTỳ-lưu-ly giết hại, do người sau dựng nên để phụng thờ. Lúc bấygiờ, có bốn người trong giòng họThích phẩn uất trông thấy sự bức hại ấy,không nghĩ tới sự phạm giới, bèn ra ngoài chống lại quân giặc. Vua Tỳ-lưu-ly bèn rút lui. Sau đó, bốn vị ấy trở về lại bốn quốc, mọi người trung thành không công nhận, bảo rằng: "Ta là Pháp chủng, thề không làm quân, các ngươi đánh lùi quân vua, chẳng phải là người trong chủng tộc của ta" Đã bị ruồng bỏ, bốn vị ấy bèn đến các nước xa khác. Vốn là giòng giống bậc Thánh, nên đua nhau lập Tông, nay tức là vua ở các nước Ô-trượng, Phạm-diễn.v.v...đều là con cháu đời sau.

Hoặc có thuyết nói về Đức Phật đảm sinh là ngày mồng tám tháng ba. Theo Thượng Toạ bộ thì nói là ngày rằm. Các kinh điển ở Trung Hoa đều nói là ngày mồng tám tháng bốn. đó cũng là căn cơ cảm thấy, di kế có nhiều.

Lại theo hướng Đông cách chừng bảy dặm, mới đến Câu-thi, giữa đường có những điều khác lạ, lược không ghi lại. Ban đầu, Sư mới đến thành đô, bất chợt năm căn không giữ bị ngã xuống đất, chỉ khoảnh khắc nhìn lại chỉ thấy một ngôi thành hoang phế sụp đổ. Nền nhà cư sĩ Thuần-đà có nêu dựng Bi chí. Về phía Tây bắc cách chừng bốn dặm, ở phía Tây bờ sông tức là rừng Sa-la, chu vi bao quanh hơn bốn mươi dặm, ở chính giữa đất nổi lên cao, tức là chỗ Đức Phật nhập Niết-bàn.

Có một ngôi thất xây bằng gạch, trong đô có tôn tượng Đức Phật nằm gối đầu về hướng Bắc. Bên cạnh các trụ tháp đều có ghi bài minh mà các thuyết nói lẫn lộn như đã trình bày ở trên, có thuyết nói Đức Phật nhập Niết-bàn ngáy mười lăm tháng hai, có thuyết nói là ngày mồng tám tháng chín, Có thuyết nói từ ngày đô đến nay đã qua một ngàn năm trăm năm, có thuyết nói là qua chín trăm năm. Phía Bắc thành qua bên kia sông tức là nơi thiêu thân, diện tích hơn hai dặm vuông, và sâu hơn ba trượng. Đất mầu vàng đen, hình dạng giống như than cháy. Người có bệnh ở các nước mà uống lấy đất đó, thì bệnh nào cũng lành. Nên đến nỗi chỗ đó biến thành hố. Bên cạnh đô lại có các ngôi tháp Đức Phật hiện phân thân làm chim Trĩ, thân Nai. Sư đều đến chiêm lễ cả.

Lại theo hướng Tây nam đi vào trong rừng sâu hơn bảy trăm dặm, đến nước Ba-la-niệt-tư, tức chỗ thường gọilà Ba-la-nại. Thành đô đến tận sông Tăng-già, Ngoại đạo rất hưng thạnh đông đảo, Sư bèn đến chùa Phương kế, Thiên có hơn trăm pho tượng trời Tự Tại. Tăng chúng ở đó chỉ có ba trăm vị, đều tu học theo giáo nghĩa Kinh Lương Bộ của Tiểu Thừa. Phía Đông bắc vương đô, tức phía Tây sông Ba-la-nại. Tháp trụ xây dựng song song, đều do vua Vô ưu xây dựng, ảnh hiện tượng phật người trông thấy càng thêm kính ngưỡng. Vượt qua bên kia sông chừng mười dặm tức là chùa Lộc Dã. Khắp làng trùng các nhìn như cung tiên, Chư tăng chỉ có dưới hai ngàn vị, đều học theo Kinh Lượng Bộ. Phụng thờ tôn tượng phật cao đẹp hơn hẳn ở các nước, ở giữa có tôn tượng Đức Phật xoay bánh xe pháp, dáng vẻ như đang giảng nói. Bên cạnh chùa, có dựng trụ đá cao hơn bảy mươi thước, trong ảnh ngoài hiện các tướng đều đầy đủ. Đó là nơi Đức Phật xoay bánh xe chánh Pháp lần đầu tiên. Bên cạnh đó lại có năm trăm ngôi tháp thờ các vị Độc giác, chỗ ba Đức Phật kinh hành ngồi thiền trong chùa, các thứ bia minh, tháp báu, rất nhiều thánh tích, có đến vài trăm. Lại có chỗ ao Phật tắm, chỗ giặt y, tẩy rửa các thứ đồ vật, đều có rồng giữ gìn, chỗ tảng đá vuông phơi y, chỗ nai chúa đón rước Phật, đều dựng xây tháp đá cao hơn ba trăm thước, tướng trạng rất rộng lớn hùng vĩ, nên chỉ lược nêu bày. Thuận theo dòng sông đi xuống hướng Đông, đến Phệ-xá-ly, tức Tỳ-xá-ly, bày hình dị thuật, riêng chỗ dồi dào. Nền cũ xưa của Quốc thành chu vi đến bảy mươi dặm. Người vật không mấy tốt đẹp, chỉ là Danh Địa,Trang đô, chỗ Phật nói Kinh Tịnh Danh, chỗ các ngôi nhà cũ của Bảo Tích, Tịnh Danh. Chỗ ngài thân Tử chứng quả. Chỗ Bà-di mẫu Kiều-đàm-di diệt độ. Chỗ bảy trăm vị A-la-hán Kiết tập kinh điển, chỗ ngài A-nan phân thân, năm chỗ đó, mỗi chỗ đều có xây dựng tháp báu xinh đẹp, nêu bày

cho đời sau.

Từ đó, đi về hướng Đông Bắc hơn hai ngàn dặm, vào núi Tuyết, tới nước Ni-ba-la. Dân chúng tại đó thuần tín Phật Pháp. Chư Tăng có khoảng hai ngàn vị, tu học theo giáo nghĩa Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Phía Đông thành có một cái hồ, trong đó có vàng cõi trời nổi trên mặt nước. Theo các bậc kỳ túc lão thành ngày xưa tương truyền rằng: "Đức Di-lặc hạ sinh lấy chất vàng ấy làm vật trang sức trên đầu". Có người nói rằng có kẻ tham lợi vật báu ấy, ban đêm đến đó muốn lấy trộm, nhưng chỉ thấy lửa nhóm tụ bắn toé chiếu sáng, không thể đến gần được. nay thì lắng chìm sâu, không thể dò đến tận đáy hồ. Và nước ở đó rất nóng, không thể nhúng tay chân xuống được. Có sứ giả ở Trung Hoa đời Tiền Đường thử ném lửa vào trong ánh lửa ấy thì liền bắn toé, nhân đó dùng để nấu gạo thì liền thành cơm. Phía Bắc ranh giới xứ đó tức là nước Đông Nữ và Thổ Phiên tiếp giáp liền nhau. Gần đây lệnh nước qua lại quản lý, do từ xứ ấ, Nếu ước tính để nói thì giữa Trung Hoa và Ấn-độ cách hơn muôn dặm. Từ xưa đến nay đã vướng vít đến nỗi đường đi dài xa hiểm trở. Sư lại từ phía Nam Phạm-phệ-xá, men theo dòng sông Tăng-già đi đến nước Ma-yết-đà; tức tên gọi đúng của Ma-kiệt-đề. nước đó nằm tại xứ Trung Ấn-độ. nay Vương tổ nối dõi tiếp giòng vua Vô Ưu. Vua Vô Ưu tức là tằng tôn của Tần Tỳ-bà-la. Vua tức là con rể của vua Giới Nhật. Nay chỗ cung thành được xây dựng tu sửa, chẳng phải theo kiến trúc xưa.

Phía Nam bờ sông Tăng-già có thành Ba-tra-ly, chu vị rộng bảy mươi dặm, tức là nơi mà trong các kinh gọi là thành Hoa Thị. Vì ở cung vua có lắm loại hoa, nhân đó mà đặt tên như thế. Xưa kia, vua Vô Ưu từ khi lìa Vương Xá dời đô đến đó. Bên cạnh phía trái, các thánh tích có rất nhiều. Về phía Tây nam cách thành hơn bốn trăm dặm, vượt qua sông Ni-liên-thuyền là đến thành Già-da. Ở đó, người vật rất ít, chỉ có chừng hơn ngàn ngôi nhà. Lại đi thêm khoảng sáu dặm là có núi Già-da, là nơi xưa kia các Vua làm lễ lên ngôi ở tại đó. Nên chỉ tại một ngọn núi ấy mà người đời xưng gọi là danh địa. Đức Như lai xuất hiện ở đời, thành tựu đạo quả ở tại xứ ấy. Trên đảnh núi có ngôi tháp đá cao hơn trăm thước, tức là chỗ mà các Kinh Bảo Vân v.v.. nói. Đi khắp vòng bốn mươi dặm, phía trong các thánh tích đều đầy đủ. Phía Tây nam của núi tức là nơi Phật thành đạo. Có tòa Kim cương chu vi hơn trăm bộ, tại chỗ đó nay gọi là chùa Bồ-đề. phía Nam chùa có Cây Bồ-đề cao chừng năm trượng và chung quanh có xây dựng thành lũy bằng gạch để bao bọc theo vòng tròn khoảng năm trăm bộ. Cửa phía Đông đối mặt với

dòng sông, cửa phía Bắc tiếp thông với chùa, ngôi linh tháp ở trong viện có nhiều điều lạ.

Về ngày Đức Như lai thành đạo có nhiều Thuyết khác nhau. Có thuyết nói là ngày mồng tám tháng ba, có thuyết là ngày mười lăm. Ở ngoài tường ven cửa phía Bắc có chùa Đại Bồ-đề. Chùa đó có sáu viện ba tầng, tường cao đến bốn trượng, đều được xây dựng bằng gạch. Do vua nước Sư Tử mua chỗ đất đó và xây dựng nên ngôi chùa đó. Tăng chúng chỉ có ngàn vị. đó là nơi trụ trì của Đại thừa Thượng tọa Bộ, có Di Cốt Xá-lợi hình dáng như đốt ngón tay người. Nhu Xá-lợi lớn như hạt chân châu. Tại xứ đó vào ngày ba mươi tháng mười hai thì tương đương với ngàng mười lăm tháng giêng ở Trung Hoa, người đời gọi thời gian đó là Tháng Đại Thần biến. Nếu đến đó vào buổi tối thì có phát ra ánh sáng tốt lành, trời rải hoa như mưa kỳ lạ, khắp đầy nơi cây viện.

Lúc ban đầu, Sư mới đến đó, bất chợt ngất xỉu, giây lát tỉnh lại. Sư đi chiêm ngưỡng khắp các linh tướng. Trước kia nghe nói trong kinh, nay thấy ở nước mắt, Sư tự hận trách mình ở chốn biên địa xấu xa, sinh vào thời mạt thế, không thấy được tôn dung Đức Như Lai, lại càng gấp bội sự buồn xót. Bên cạnh đó, có vị Phạm Tăng đến thấy thế bèn vỗ về an ủi. Vị ấy tuy đầy đủ mọi lễ nghi để bái yết, nhưng hận không có điềm ánh sáng, Sư bèn dừng ở lại đó an cư đến ngày mãn hạ.

Tại xứ đó, có lệ thường, đến thời gian ấy. Kẻ tăng người tục có đến ngàn muôn người đua nhau trưng bày mọi thứ để cúng dường suốt bảy ngày bảy đêm. Bởi có hai ý nghĩa là để được trông thấy ánh sáng và lá cây ít có. Hằng năm đến cuối mùa Hạ thì lá cây ở đó cùng một lúc rơi xuống, rồi suốt đêm lá mới mọc ra nhiều như cũ.

Bấy giờ, có Cư sĩ Đại Thừa giải thích Luận Du-già-sư-địa cho Sư nghe. Đêm đó, đang đối giảng bỗng nhiên đèn bị tắt, lại nhìn ở chỗ đeo các thứ châu ngọc anh lạc thì không thấy sắc thái ánh sáng, chỉ có ánh sáng chiếu suốt trong ngoài rỗng rang và Sư chẳng lường biết được nguyên do vì sao. Sư lấy làm lạ nên cùng đi ra ngoài am tranh ngắm cây Bồ-đề, bèn thấy có vị tăng trên tay cầm xá-lợi lớn như ngón tay người đang đứng trên nền cây chỉ bày cho khắp cùng đại chúng. Chỗ phát ra ánh sáng chiếu suốt khắp đất trời. Bấy giờ, đại chúng ồn náo, chỉ được từ xa kính lễ. Tuy mắt trông thấy điềm ánh sáng lành mà trong tâm nghi đó là lửa, bèn cùng chắp tay chí thành qùy thẳng cho đến sáng ngày hôm sau. Tâm nghi ngờ dần chấm dứt và ánh sáng cũng giảm mất. vị Cư Sĩ ấy hỏi Sư rằng: "Đã thấy được điềm tướng linh hiển, tâm không nghi ngờ chứ?" Sư bèn nói hết ý mình. Vị Cư Sĩ ấy bảo: "Điều nghi

ngờ xưa kia của tôi cũng đồng như Sư ngày nay. Nhưng khi điềm lành đã hiển hiện thì mối nghi ngờ tự thông suốt. Tôi thấy lá cây Bồ-đề như Bạch Dương". –Vị cư sĩ ấy hỏi lý do, Sư đáp: "Hình dáng thì hơi giống nhau, mà suốt cùng tươi tốt ít có khác". từ chùa ấy nhìn về phía Đông là núi Quật-Tra-Bá-Đà, tức trong các kinh gọi đó là núi Kê Túc, ba ngọn núi thẳng đứng, hình dáng giống như chân gà, nhân đó mà gọi như vậy. Cách chùa Bồ Đề hơn trăm dặm, trên đảnh núi có một ngôi tháp lớn, ban đêm tỏa sáng như đuốc thần. Ánh sáng soi khắp cùng, đó chính là nơi Ngài Đại Ca-diếp-ba nhập tịch Định. Đường đi khó khăn, có lắm rừng trúc. Các loài sư tử, hổ, voi đua nhau tung hoành ngang dọc, mỗi lúc nghĩ muốn bước lên tiến tới thì không do đâu mà được. Sư bèn tấu với vua xin được Sư phòng vệ giúp đỡ, được cấp ứng hơn ba trăm binh lính, mỗi người lính đều có đầy đủ các dụng cụ như mũi nhận để chặt trúc làm thông đường. Mỗi ngày đi được mười dặm. Bấy giờ, tại nước ấy nghe Sư đi sang núi, các hàng sĩ nữ lớn nhỏ có cả mười muôn người đua nhau tiếp nối cùng đến núi Kê Túc. Đã đến bên bờ sườn núi, vách đá thẳng đứng, không có đường đi, bèn cùng kết bện trúc làm thang nối liền nhau mà leo lên. Lên được trên đảnh núi có hơn ba ngàn người. Đưa mắt nhìn khắp bốn phía, vui mừng càng thêm hớn hở, thấy được chỗ đá nứt nẻ, bèn cùng rải hoa để cúng dường.

Từ núi ấy, đi theo hướng Đông bắc hơn trăm dặm là đến núi Phật Đà-phạt-na. Tại đó, có hang đá rất lớn. Xưa kia, Đức Phật từng đến đó, trời Đế-thích cùng đến hang đá xoa hương để cúng dường. Nay đi đến xứ ấy, vẫn còn mùi hương thơm phảng phất. Cách núi không xa, có ngôi thất có thể chứa khoảng ngàn người. Đức Như Lai đã an cư suốt ba tháng tại đó. Và đường đi do chất đá làm thành, rộng hơn hai mươi bộ, dài tới năm dặm, do vua Tần-tỳ-bà-la xây dựng nên, đường lên núi có được là do đó.

Lại đi về hướng Đông hơn sáu mươi dặm là đến ngôi thành xưa Cự-Xà-Yết-La-Bổ-La, đời Đường dịch là Mao Thành, vì có nhiều cỏ tranh thơm, nên do vậy mà đặt tên. Thành ấy là trung tâm của Ma-kiệt-đà mà trong các kinh gọi đó là Thành Vương Xá. Bốn phía là núi bao bọc bên ngoài, bên trên như tường thấp đều được xây dựng bằng gạch. Phía Tây thông suốt đến tiểu kinh, phía bắc mở mang tới cửa núi, rộng dài theo hẹp bao bọc chung quanh đến một trăm năm mươi dặm. Trong đó, chu vi cung thành rộng hơn ba mươi dặm. Các vết tích xưa ở bên trong thì số lượng lại rất nhiều. Đi về hướng Đông bắc của cung thành khoảng mười lăm dặm, có núi Cật-Lật-Đà-La-Củ-tra; tức trong

các kinh gọi đó là núi Kỳ-Xà-Quật, đời Đường dịch là Đài Thứu Phong. So với các núi thì ở đó rất cao lộ bày ngời sáng. Tại phía nam tiếp liền với núi là nơi xưa kia Đức Phật thường cư trú. Từ chân núi đến đảnh núi đều do sắp đá làm thành bực thềm, rộng hơn mười bộ, dài tới sáu dặm. Phật thường qua lại trên con đường ấy. Sư đi xem khắp các sườn núi, các hang núi, đầy đủ các dấu vết xưa không thể ghi nhận hết, rộng như trong Đồ Truyện.

Theo cửa phía bắc thành núi đi chừng một dặm thì đến nền móng đá xưa cũ của tinh xá Ca-Lan-Đà-Trúc-Viên. Ở cửa phía Đông có ngôi thất bằng gạch nay vẫn hiện còn. Từ Trúc Viên theo hướng Tây Nam đi chừng sáu dặm, tức phía bắc của Nam Sơn, trong rừng trúc lớn, có hang đá, đó là nơi mà Ngài Đại Ca Diếp Ba cùng ngàn vị tăng Vô Học kiết tập kinh điển. lại theo hướng Tây, đi hơn mười dặm, tức là nơi Đại chúng Bộ Kiết tập. Theo hướng Bắc của Sơn thành đi khoảng năm dặm là đến Thành Hát-La-Xà-Cật-Lợi-Tứ; đời Đường dịch là Tân Vương Xá, ngoài ra các truyện khác nói cũng giống như thế.

Lại theo hướng Bắc, đi hơn ba mươi dặm thì đến chùa Na-lan-đà, đời Đường dịch là Thí Vô Yểm. Đó là một ngôi chùa rất lớn ở châu Thiệm-bộ ở phía Nam, không nơi nào cao lớn bằng. Ngôi chùa ấy do năm vị Vua cùng đến cung cấp cúng dường gấp bội lớn lao, nên nhân đó mà gọi tên như vậy. Tại chùa đó, có năm Viện, cùng đi chung một cửa lớn, chung quanh có bốn lớp cổng cao tám trượng, đều được xây dựng bằng gạch. Nơi vách tường cao nhất còn dày đến sáu thước. Ngoài quách có ba lớp, và tường cũng xây dựng bằng gạch cao năm trượng. Khoảng giữa có nước vây quanh, ao hào rất sâu. Và có đủ các thứ hoa xinh đẹp đáng yêu. Từ lúc tạo dựng đến nay luôn được phòng vệ ng-hiêm mật, người nữ chẳng được xem lạm vào, không hề dung chứa ẩn dật. Tăng Chúng thường trụ có hơn bốn ngàn vị. ngoài ra, tân khách tăng tục chung cho cả Tà Chánh vượt ngoài hàng vạn, đều được chu cấp các thứ ăn mặc không hề thiếu thốn, nên còn gọi tên chùa là Thí Vô Yểm. Trong đó, có Phật viện, đầy đủ các Thánh Tích. Tinh Xá cao hơn hai mươi trượng. Xưa kia, Đức Phật từng ở trong đó đó nói pháp suốt bốn tháng. Lại có ngôi Tinh Xá cao hơn ba mươi trượng, bên trong các hình thái biến đổi không thể nói hết. Có tôn trí tên pho tượng bằng Đồng cao hơn tám trượng. Lầu các sáu tầng được trang nghiêm xinh đẹp. Đó là do vua Mãn trụ – anh của vua giới Nhật –xây dựng nên. Lại có tinh xá Hầu Thạch, do vua Giới Nhật xây dựng nên. Chạm trổ trang hoàng chưa đầy một ngày vì có cả ngàn người thợ làm.

Theo thường pháp nước ấy thì khâm phục kính trọng các vị có Đức hạnh cao cả. Có các Luận sư trí thức cao xa, Vua ban cấp phong hộ đến cả mười thành, dần ban lượng thưởng chẳng dưới ba thành. Ở chùa ấy, hiện tại các vị Đại đức được thọ nhận ban phong có hơn ba trăm vị. Những vị tinh thông kinh điển trở lên, chẳng còn phải trông coi mọi việc tăng chúng, rất được kính trọng mến qúy sự học vấn, thưa hỏi các dị pháp. Nên từ Ô-Kỳ trở về phía Tây thì trùm khắp trong nước. Các vị xuất gia phần nhiều đều là Nghĩa học, cảm kích nước ấy qua lại không ngăn cách trở ngại. Vua chỉ giữ gìn đất nước, không dám ngăn cản chướng ngại, nên ở đó học chúng thông hiểu rộng rãi sâu sắc.

Sư đi qua các nước, tiếng tăm đạo hạnh vang khắp, khi sắp đến chùa ấy, trong chúng sai bốn mươi vị Đại đức đến Trang đón rước Sư. Trang là thôn gốc của Ngài Mục-liên. qua bữa ăn ngày hôm sau, chư tăng có đến hơn hai trăm vị, người thế tục có hơn ngàn vị đều cầm nắm kiệu rước, phướn lọng, hương, hoa đến đón rước Sư dẫn vào Đô hội. Sư cùng chúng Tăng an ủi thăm hỏi xong, bèn xướng lời thỉnh Sư trụ lại chùa, tất cả đều đồng lòng. Lại sai cử hai mươi vị hướng dẫn Sư đến chỗ ngài Chánh Pháp Tạng, tức là Luận Sư Giới Hiền, Lúc đó, Ngài Giới Hiền đã một trăm sáu mươi tuổi, là nơi kính ngưỡng trọng vọng của chúng tăng nên tôn xưng hiệu Ngài là "Chánh Pháp Tạng". Ngài Giới Hiền nghe rộng hiểu biết nhiều. với tất cả kinh sách Đại thừa, Tiểu thừa Nội ngoại Giáo điển không thứ gì Ngài chẳng thông đạt. Ở đó là nơi xưa kia có các hầm hố của vua Thất Thương-khư, bị giặc mang ra nhận chìm nước, cỏ rác. Về sau, phục hưng Phật Pháp, kẻ tăng người tục đồng suy cử cúng dường. Vua Giới Nhật lại tăng thêm một Ấp có đến mười thành. Sung nhập các thứ thuế khoá. Ngài Giới Hiền sử dụng thuế vật ấy xây dựng chùa miếu.

Sư đến đảnh lễ khen ngợi xong, đồng thời được mời ngồi. Ngài Giới hiền hỏi Sư từ đâu đến. Sư đáp: "Từ nước Chi-na đến đây, vì muốn cầu học các Luận Du-già-sư-địa, v.v..!" Nghe xong, Ngài Giới Hiền nghẹn ngào rơi lệ khóc thương, bảo Đệ tử Giác Hiền kể lại sự việc trước kia đã xảy ra. Ngài Giác Hiền kể rằng: "Ba năm trước, Hoà-thượng (tức chỉ Ngài Giới Hiền) gặp phải chứng bệnh khốn đốn đau nhức như dao đâm chít, muốn bỏ ăn để được chết. Bỗng mộng thấy có một người thân mầu vàng ròng đến bảo rằng " Ông chớ nhàm chán thân hình, bởi vì ngày trước làm Quốc Vương đã tổn hại lắm vật mạng, cần phải tự hối trách, đâu thể tự tử được? Có vị Tăng từ xứ Chi-na đến đây cầu học, đang trên đường đi, ba năm sau sẽ đến, Ông nên đem giáo pháp ban

dạy cho vị tăng ấy, vị tăng ấy lại hoằng truyền lưu thông thì tội xưa của Ông sẽ tự tiêu diệt. Ta là Mạn-thù-thất-lợi (tức Văn-thù-sư-lợi) đây, đến khuyên nhủ Ông!" Hoà-thượng nay đã có phần bớt". Chánh Pháp Tạng hỏi Sư rằng: "Ông bắt đầu lên đường từ bao giờ?" Sư đáp: "Đã ngoài ba năm!" đã cùng hợp với giấc mộng, nên cả hai vị vừa buồn vừa vui, Sư bèn lễ tạ.

Tại chùa ấy vốn lập Pháp thông Tam Tạng, đặt ra mười vị. từ trước đến nay còn thiếu một người. Vì tiếng tăm Đạo hạnh của Sư vang vọng như thế, nên mời Sư dự vào ngôi vị ấy. Thường ngày cung cấp các thứ thức ăn ngon hai mươi bàn, một thăng gạo Đại nhân, tân lang (cau), Đậu khấu, Long não, hương nhũ, Tô mật v.v.. Tịnh nhân bốn Ba-la, hai hàng cưỡi kiệu voi có ba mươi người theo. Gạo Đại nhân tức gạo tẻ, lớn như hạt đậu đen, cơm có mùi thơm bay xa cả trăm bộ, chỉ có ở nước ấy. Vua cùng các vị biết pháp cùng tham dự. nên tại chùa ấy những bậc thông hiểu ba Tạng được cung cấp hai mươi mâm, tức hai mươi ngày. Dần giảm xuống người chỉ thông hiểu một kinh thì được cung cấp năm mâm, qua năm ngày ấy rồi, sau đó bèn y theo tăng vị. Nhân đó, bèn thỉnh ngài Giới hiền giảng luận Du-già. Thính chúng có đến mấy ngàn vị, suốt mười lăm tháng mới được một biến, lại vì giảng lại, thì thêm chín tháng mới hoàn tất. Ngoài ra, với Các Luận Thuận Lý, Hiển Dương, Đối Pháp v.v.. Sư đều được thưa hỏi hỏi bẩm thọ. Nhưng đối với Luận Du-già riêng được khen ngợi thì phải trải qua năm năm, suốt sớm tối không dừng nghỉ, đem sự bàn luận rộng rãi. Sư chưa chịu trở về phía Đông (tức Trung Hoa). Ngài Giới Hiền bảo rằng: "Tôi già yếu, thấy ông xem thường tánh mạng vì cầu pháp, trên đường đi trải qua mười năm mới đến đây. Ngày nay chẳng nệ già yếu, dốc sức vì chỉ bày rõ. Pháp qúy trọng ở chỗ được mở mang, đâu mong chỉ riêng mình tài giỏi! Lại tham cứu các bộ khác, sợ mất thời cơ nhân duyên, trí tuệ thì không ngằn mé, chỉ có Phật mới thấu cùng, Mạng người như sương móc không sớm thì tối. Nên hãy trở về!" Và bèn sắm sửa cho các thứ hành lý, ban cho các Kinh Luận. Sư bèn thưa rằng: "con xin vâng theo lời chỉ bảo. Nhưng trong ý muốn đi quanh các nước ở phương Nam rồi trở lại đường hướng phía Bắc. Vì lời hứa trước kia ở Cao Xương không được làm trái."

Từ đó, Sư bèn đi theo hướng Đông đến trong núi rừng lớn, tới nước Y-lan-noa, thấy dấu vết chỗ Đức Phật ngồi in sâu trên đá một tấc, dài năm thước hai tấc, rộng hai thước một tấc. Bên cạnh có dấu vết bình bát in sâu trên đá một tấc, tám phía hiển hiện hoa văn dường như mới đặt

để. Có dấu vết Đức Phật đứng cao một thước tám tấc, năm nước, gần bốn ngàn dặm là đến nước Tam-ma-đát-tra, là bãi đất mặn của biển lớn, nơi bốn Đức Phật xưa kia từng đi qua, thấy có tôn tượng Phật bằng ngọc xanh cao tám thước. Từ đó đi theo hướng Đông Bắc, trong khoảng giữa núi và biển, trải qua sáu nước thì đến Lâm ấp. Đường đi vừa hiểm trở lại dài xa, có lắm khí độc dịch lệ nên Sư chẳng dấn bước, mà lại theo hướng Tây, đi gần hai ngàn dặm là đến nước Yết –la-noa. Tại đó, Tà chánh đều được phụng thờ. Riêng có ba ngôi chùa chẳng ăn dùng các thứ sữa lạc, bởi theo bộ phái Điều Đạt. Sư lại theo hướng Tây nam, đi hơn bảy trăm dặm đến nước Ô-trà, ranh giới phía Đông nước ấy tiếp cận với biển cả. Ở nước ấy có ngôi thành Phát Hành, khách đi buôn dừng ở lần lượt theo mé biển. Ở phía Nam biển lớn có nước Tăng-già-la, nghĩa là Chấp sư tử. cùng cách xa chừng hơn hai muôn dặm, ban đêm nhìn về phía Nam, trong nước đó có ngôi tháp thờ răng Phật, trên ngọc báu tỏa phát ánh sáng rực rỡ hiện lên giữa khoảng hư không. Lại theo hướng Tây nam, trải qua các nước đều có các Di tích kỳ lạ. Đi tới năm ngàn dặm là đến nước Kiều-tát-la. Đó là địa vực chính giữa của Nam Ấn-độ. mọi người rất kính tin Phật Pháp. Tăng chúng có tới muôn người. Đất đai ở đó rộng rãi thông thoáng, rừng đồng nối tiếp nhau. Về phía Tây Nam của thành đô cách hơn ba trăm dặm có núi Hắc Phong. Có vị Đại Vương xưa kia vì Bồ-tát Long Mãnh mà xây dựng ngôi chùa đó, tức là ngài Long Thọ. Chùa ấy trên dưới có năm lớp được đục đá mà làm thành dẫn nước rót chảy chung quanh, có lắm sự biến dị, men theo làn sóng mới đến được. Hiện nay, được các tịnh nhân giữ gìn, ít có người đến. Trong khám thờ có pho tượng bằng đá, hình dáng rất vĩ đại. Ngày chùa xây dựng xong, Bồ-tát Long Mãnh đến núi bôi thuốc vào đó, biến thành mầu vàng tía. Ở đời không nơi nào sánh bằng. Lại có kinh tạng chồng chất vô số. Các bậc Lão đức ngày trước tương truyền là từ lần kiết tập đầu tiên tất cả đều hiện còn ở đó. Tuy ở bên ngoài Phật pháp đã từng bị phá hoại mà riêng ở núi đó vẫn mãi được gìn giữ không thay đổi. Gần đây, có vị tăng đến đó an cư kiết hạ, mà chỉ được đọc tụng chứ không thỉnh mang ra được. trình bày rõ ràng về việc đó, chỉ vì đường đi khó khăn hiểm trở nên khó có thể tìm hỏi.

Sư lại theo hướng Nam, đi hơn bảy ngàn dặm, trên đường trải qua năm nước, đều có các Linh tích, rồi đến nước Mạt-la-củ-tra, đó là cảnh bãi biển ở tận cùng phía nam của Châu Thiện-bộ. Trên núi thoảng ra mùi hương Long não. Bên cạnh có đảnh núi cao vót, có dòng nước chảy trong ngần, xoay quanh hơn hai mươi vòng theo hướng Nam chảy ra

biển. Bên trong có cung trời, nơi thường cư trú của Bồ-tát Quán Tự Tại; là tên gọi đúng của Quán Thế Âm. Gần biển có ngôi thành, xưa kia là nước Sư Tử, nay xoáy vào trong biển có thểhơn ba trăm dặm. Nếu chẳng cùng kết bạn thì không thể đến, nên Sư chẳng đi. Từ đó ngài theo hướng Tây Bắc, đi hơn bốn trăm dặm, trên đường trải qua các nước đều có lắm thứ thần dị. Sư đến nước Ma-ha-lạt-tha, vua nước ấy quả thật uy phong oai hùng tự tại, không phục Vua Giới Nhật. Chùa viện có hơn trăm ngôi, Tăng Chúng có khoảng năm ngàn vị, học gồm cả giáo điển Đại thừa, Tiểu thừa. Chùa núi ở phía đông nước ấy do một vị La-hán tạo nên. Có một ngôi tịnh Xá lớn cao hơn trăm thước, bên trong có pho yượng đá cao tám trượng. Phía trên thiết bày các lọng đá có đến bảy lớp, treo lơ lửng giữa hư không, mỗi lọng cách nhau khoảng ba thước. Những người đến lễ bái tham yết, không ai chẳng khen ngợi sức thần ấy. Từ đó, nhân rảo bước rộng tìm khắp các Thánh tích, Sư đến nước Bạt-phạt-đa. Có mấy vị hạnh đức, học nghiệp thật đáng tôn kính. Sư bèn dừng ở lại hai năm cầu học Chánh lượng Bộ luận Căn Bản, luận Nhiếp Chánh, luận Thành Thật v.v.. Rồi Sư lại theo hướng Đông Nam trở về Na-lan-đà. Tham lễ luận sư giới Hiền xong, Sư lại sang núi Trượng Lâm, chỗ Cư sĩ Luận sư Thắng Quân. Luận sư ấy là người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi, học thông nội ngoại, ngũ minh số thuật, thường cư trú trong rừng, nuôi dưỡng Đồ chúng, giảng dạy nghĩa kinh Phật. Kẻ tăng người tục quy hướng có mấy trăm vị. các vị Quốc Vương v.v.. cũng đến chiêm ngưỡng lễ bái, rửa chân, cúng dường, ban phong tưởng thưởng Thành ấp. Sư bèn nương tựa ở đó, cầu học luận Duy Thức quyết trạch, luận ý nghĩa, luận Thành Vô uý, v.v.. trước sau tất cả được hai năm. Một đêm, Sư mộng thấy từ trong chùa ra đến ngoài rừng ấp, lửa tràn lan thiêu đốt thành tro than. Thấy một người thân mầu vàng bảo với Sư rằng: "Về sau, khoảng mười năm, khi vua Giới Nhật băng, thì Ấn-độ sẽ bị nổi loạn, như lửa đang thiêu đốt cây cỏ." Đến lúc tỉnh mộng, ngài kể lại với Luận sư Thắng Quân. Và trong ý Sư mới quyết định mọi sự để trở về Trung Hoa. Mãi đến cuối niên hiệu Vĩnh Huy (...sáu trăm năm mươi chín) –đời Tiền Đường, quả nhiên vua Giới Nhật băng. Đến nay ở xứ đó thảy đều đói kém hoang tàn, như trong giấc mộng của Sư vậy. Ban đầu, ở tại chùa Na-lan-đà, các vị Đại đức Sư Tử Quang v.v.. lập tông Trung Bách Luận, muốn dẹp phá giao nghĩa của Luận Du-già v.v... Sư bảo rằng: "Các bậc Thánh soạn luận không bao giờ trái nhau. Chỉ người học có khuynh hướng trái lại mà thôi." Nhân đó, Sư soạn Luận Hội Tông gần ba ngàn bài kệ, đem trình các Luận Sư Giới Hiền, v.v.... các Luận sư đều ngợi khen ngài khéo

giỏi. Trước kia ở Nam Ấn Độ có vị sư Quán Đảnh tên là Bát-nhã-cúc-đa hiểu rành Chánh lượng Bộ, soạn luận phá Đại thừa gồm bảy trăm bài kệ. Bấy giờ, vua Giới Nhật đánh dẹp đến nước Ô-trà, Các luận sư Tiểu thừa bảo trọng luận đó, bèn đem dâng lên Vua và xin vua đề cử cho các Luận sư Đại thừa cùng đối luận quyết trạch sự hơn kém. Vua Giới Nhật biên thư gởi đến chùa Na-lan-đà đề nghị hãy sai cử bốn vị tăng khéo thông hiểu Giáo điển Đại, Tiểu thừa và Nội ngoại cùng đến hành cung, sẽ có luận nghĩa. Luận sư Giới Hiền bèn sai cử bốn vị, đó là Hải Tuệ, Trí Quang, Sư Tử Quang và Sư cung vâng mạng lệnh. Lúc sắp sữa ra đi, có vị Thuận Thế ngoại đạo đến xin luận nạn, viết bốn mươi điều nghĩa đem treo dán ở cửa chùa, nếu có người nào lý luận bẻ gãy thề sẽ chém đầu để tạ tội, vị ngoại đạo ấy chấp rằng "Bốn đại là nhân của người và vật, ý chỉ nghĩa lý sâu xa, rất khó mà bày xét. Âm dương như thế ai có thể thấu cùng vận số" Do chấp như thế nên đến cầu quyết đấu. Tại nước ấy có lệ thường là đấu luận với nhau mà bị thua thì trước tiên bắt cưỡi lừa, đem bình nước phẩn rót lên đảnh đầu. Ông ở trong chúng, thân tâm đều chiết phục, sau đó làm kẻ thấp hèn, Chư Tăng cùng nghi ngờ sợ cái ách thua kém, nên im lặng chẳng bày đối luận. Sư đình chỉ đã lâu, nghiên cứu đến Luận Đạo, Bảo cùng Chư tăng xin được đối luận, chứ không thể chấp nhận cùng xấu hổ. Mỗi bên đều có người đứng bên cạnh làm chứng, qua lại mấy lần xem xét, không lối mở thông, thần lý đều tan mất, bỗng nhiên thầm phục. Dự ở cửa Phật cùng một lúc thắng vượt. Vị ngoại đạo kia đã bị bẻ gãy rồi bèn xin y theo điều hứa trước. Sư bảo: Trong giáo pháp của ta mở rộng sự tha thứ khoang dung, chẳng đặt nặng hình phật, người bẩm thọ Pháp ta như kẻ tợ kính thờ chủ." Nhân đó, vị ngoại đạo ấy theo đến chỗ phòng Sư, vâng thờ Chánh Pháp yếu. Các Luận sư ở nước Ô-trà lại riêng thưa hỏi, tìm chọn trong đó lại có điều sai lầm. Sư bảo vị ngoại Đạo đã vâng phục ấy rằng: "Ông có nghe chỗ lập nghĩa của Luận sư nước Ô-trà chăng?" đáp: "Nghĩa ấy đã từng nghe và hiểu rất rõ ý thú." Sư liền bảo nói bày điều đó. Và thấu suốt được cốt yếu, bèn nêu chỉ những điểm vụn vặt, trình bày nghĩa lý Đại thừa mà phá dẹp. Sư soạn luận lấy tên là Luận Chế ác Kiến gồm một ngàn sáu trăm bài kệ, đem trình lên các Luận sư Giới hiền, v.v.. Các Luận sư đều bảo: "Luận ấy thấu cùng kình khấu của thiên hạ, ai có thể đối dịch được!"

Ý Sư muốn lưu truyền, mở mang giáo bổn mới buông duyên khai mở chánh pháp, bèn sang nước Ca-Ma-Lâu-Đa thuộc xứ Đông Ấn Độ. Vì phong tục ở xứ ấy đều tin theo dị đạo, nên Bộ chúng dị đạo ấy có

mấy muôn người. Phật pháp tuy được hoằng truyền mà chưa đến xứ ấy. Vua nước ấy kính thờ Thiên thần, rất mến trọng giáo nghĩa. Chỉ nghe là người trí, bất luận là Chánh tà, đều kính phụng mọi người. Mới tiêm nhiễm Phật Pháp, dùng sự để mở mang nên sang đó khai hóa. Khi đã đến nơi, Vua nước ấy khen ngợi Sư thắng đạt, thần tư trong sáng xa vời. Vua Đồng Tử nghe thế mừng vui muốn được gặp mặt, bèn sai sứ đôi ba phen đến thỉnh Sư mới sang. Sư đã đến nơi cùng thấy nhau, dường như giao du với nhau đã lâu, bèn nói, tiếp đãi trải qua cả tháng. Bấy giờ, các hàng Dị thuật cùng nhóm họp cầu xin Vua cho quyết luận, ngôn từ vừa giao thì bọn tà bị xô ngã như cỏ rạp, vua càng thêm tôn sùng kính trọng, mới mở cửa kính tin thưa hỏi Sư về Chư Phật do đâu mà có được Công Đức. Sư bèn khen ngợi ba Thân Như Lai làm lợi ích cho muôn vật. Nhân đó mà soạn luận tam thân gồm ba trăm bài kệ để hiến tặng. Vua ấy bảo: "Thật chưa từng có!", bèn đảnh lễ kính cẩn quy y.

Phía Đông nước ấy tiếp giáp với Tây Man của đất Thục, nghe đường xá đó phải mất suốt hai tháng mới đi đến. Bấy giờ, các quan của Vua Giới Nhật mách bảo nhau rằng: "Tại Đông phiên, Vua Đồng tử có được mặt trời Đại thừa của nước Chi-na, Đạo Đức rộng lớn trùm khắp. Vua nước ấy rất kính trọng, cầu thỉnh đến đó", mặt trời Đại thừa ấy tức là tên gọi mà Chư Tăng ở Ấn-độ ngợi khen Sư. Vua Giới Nhật bảo: "Ta đã từng thỉnh cầu, mà khước từ chẳng đến. Do nhân gì mà Sư đến ở nước ấy?" Liền sai bảo Vua Câu-ma-la hãy đưa Pháp sư người nước Chi-na (tức chỉ Huyền Trang) đến gặp tại nước Kỳ-la. Vua Đồng Tử ra lệnh đem hai muôn con voi, ba muôn chiếc thuyền và cùng Sư đồng đi ngược dòng nước sông Căng-già để đến chỗ vua Giới Nhật. Vua Giới Nhật cùng các quan thuộc hơn trăm muôn người thuận theo dòng nước đi về hướng Đông cùng nhóm họp tại nước Yết-thù-kỳ-la. Ban đầu mới trông thấy Sư, vua bèn đảnh lễ, dốc hết sự kính trọng, rải hoa, xướng đọc kệ tụng, cúng dường, rồi thưa rằng: "đệ tử trước kia đã cầu thỉnh, nhưng vì sao Sư không đến?" Ngài đáp: "Vì nghe pháp chưa xong, nên bay vâng lệnh!" Vua Giới Nhật lại hỏi: "Tại nước Chi-na có Vua Tần đánh trận mà trỗi nhạc ca múa. Vậy Vua Tần là nước nào mà Ca Vịnh như thế?" Sư bảo: "Đó chính là Thiên tử của Chánh Quốc hiện nay. Vua ấy là bậc Đại Thánh đánh dẹp giặc loạn, sửa đổi chính sách, ân đức thấm đượm khắp đất trời, nên có lời ca vịnh như thế!" Vua Giới Nhật bảo: "Nên trời mặc tình để vị vua ấy làm chủ muôn vật." rồi mới thỉnh Sư vào hành cung thiết bày các thứ cúng dường. Sư bèn soạn Luận Chế ác Kiến. Ngoái nhìn Chư tăng mà bảo rằng: "Ánh sáng mặt trời đã xuất hiện thì

ánh đuốc bị mất sức sáng. Chỗ qúy báu của các sư, kia đều đã phá xong. Thử nghiên cứu lấy mà xem!" Chư Tăng thuộc khuynh hướng Tiểu thừa không ai dám nói một lời nào. Vua Giới Nhật bảo rằng: "Luận này tuy cao siêu nhưng chưa được truyền bá rộng rãi. Ta muốn đến Thành Khúc nữ thiết lập Đại hội, bảo những bậc tài sĩ khắp năm xứ Ấn-độ có khả năng giảng nói, đối trước chúng đông mà hiển bày, giúp mọi người bỏ tà theo chánh, bỏ Tiểu hướng về Đại. Như vậy, há chẳng hay ư?" Ngày đó, Vua Giới Nhật liền ban phát chiếu lệnh bảo khắp trong nước, nhóm họp tất cả các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả các hàng Dị Đạo đồng đến thành Khúc nữ. Bắt đầu từ mùa đông, ban đầu ngược theo dòng nước, tới tháng chạp mới đến nơi. Bấy giờ, mọi người khắp bốn phương nhóm họp có tới mấy muôn người, người có khả năng luận nghĩa có cả mấy ngàn vị. mỗi vị giỏi hùng biện đều xưng là khắc địch. Việc trước tiên là nhà vua dựng lập hành điện, mỗi nơi dung chứa ngàn người, thờ tôn trượng, cúng dường hoa hương âm nhạc. Thỉnh Sư lên Pháp toà, Sư liền nêu Luận Tông và bảo mọi người nêu bày hạch xét. Qua hết mười tám ngày mà không ai dám hỏi. Vua Giới Nhật hết lời ngợi khen tán thưởng, ban tặng Sư ba muôn đồng tiền bạc, một muôn đồng tiền vàng, một trăm bộ y phục bằng bông tơ. Vua bảo Quan Đại thần bưng nắm áo Ca-sa của Sư đi quanh khắp chúng mà nói như vầy: "Phá Sư người China biện luận đã thắng, suốt mười tám ngày cho đến nay không một ai dám hỏi. Mọi người đều phải nên biết như thế." Bấy giờ tăng chúng rất vui mừng bảo rằng: "Phật Pháp trùng hưng, mới khiến ngươi kia (-=tức Huyền Trang) có được Quyền trí như vậy!".

Sư muốn giả từ để trở về Trung Hoa. Vua Giới Nhật lại thỉnh Sư ở lại thêm bảy mươi lăm ngày, thiết lập Đàn tướng Bố thí lớn. Đến lúc sự việc hoàn tất, Sư giã từ để trở về. Vua Giới Nhật ban sắc cho các Sở bộ lần lượt thay nhau đưa tiễn Sư ra khỏi nước. Đồng thời ban tặng Sư một con thanh tượng (voi xanh) tiền vàng, tiền bạc mỗi thứ mấy muôn. Vua Giới Nhật, vua Câu-ma-la, v.v.. tất cả mười tám vị Đại Quốc vương đều rơi lệ từ biệt Sư. Sư bèn từ chối không nhận. Vì coi thân hình rất lớn, mỗi ngày phải cần đến hơn bốn mươi vi cỏ, các thứ thức ăn phải dùng tới ba đấu. Vua Giới Nhật lại ban sắc cho các nước phụ cận tùy thuộc, hễ nơi nào Sư đi ngang qua đều nên cung cấp cúng dường Chư tăng, khuyên Sư nhận lấy con voi. Mọi người đều bảo: "Đó là tướng thù thắng! Từ lúc Đức Phật diệt độ đến nay, các vị vua tuy rất tôn sùng kính trọng đem các thứ bố thí cúng dường, nhưng không hề nghe đem voi để dâng cúng cửa Phật. Vì Voi là vật báu của đất nước. Nay đã thấy ban

tặng như thế, thật là đức tin đã đến độ cùng cực!" Nhân đó, Sư nhận lấy voi mà trả lại tiền và vật báu. Con voi ấy thân hình tròn lớn, cao một trượng ba, dài hai trượng, trên lưng có thể chở tám người ngồi và các thứ kinh tượng, v.v.. đều đặt để lên trên, hình trạng như bức tường thấp, tướng tự như không hành, tuy gặp những lúc vôi tuôn chạy mau lẹ nhưng đều an ổn không rơi rớt, bình nước không nghiêng đổ. Sư men theo phía Bắc trở lại ra khỏi ranh giới nước Ấn-độ. vua Giới Nhật oai phong trùm khắp, nên Sư đều được cúng cấp hầu đãi. Sư đến nước Tỳ-lợi, ở đó nửa núi nửa sông tưới rót làm đất đai tươi tốt. Tăng chúng có đến mấy muôn vị, đều học theo Giáo Nghĩa Đại thừa. Sư theo hướng Đông bắc đi bằng đường núi, trải qua các thành ấp, lên đến núi tuyết. Và tới trên đảnh thì các ngọn núi khác đều thấp. Sư lại đi lên thêm ba ngày nữa, là tới đảnh núi rất cao, trông nhìn thấy suốt cả Nam bắc, chỉ thấy núi Hoành có chín lớp, vượt qua đó rồi thì đều là đất bằng, tuy có các ngọn núi nhỏ nhưng cách xa không nối liền nhau. Chỉ một đảnh núi ấy sừng sững cao xa, ước lược mà nói thì núi Chầm của châu Thiệm-bộ ở phía Nam chính là ở đó. Làm sao biết được? Vì như cảnh giới ở phía Tây là vùng Ba Tư Bình xuyên mênh mông, phía Đông là đến Ngôi ngạc, chẳng có dấu vết cùng tận. Phía Bắc thì đồng trống tiêu điều, phía nam thì Ấn-độ cao ráo. Tức nơi mà trong các kinh gọi là Núi Hương. Đến nơi ao hồ sâu thẳm, chưa thể tìm tới cội nguồn. Nơi nương tựa của bốn dòng sông lớn đều xuất phát từ đó. Chỗ Nhĩ Nhã gọi là vùng Côn Lôn, há chẳng phải là đó ư? Căn cứ theo Gia Vũ Công thì sông chảy ra từ bãi đá, bởi hạn cuộc nói bàn về chỗ xuất xứ. Trương Khiên tìm theo đó mà đi đến Đại Hạ (Trung Hoa), hẳn là đã vượt chỗ đã trải qua, vẫn chẳng nói chỗ bắt đầu phát nguồn, nên đoán mà có thể biết. Sư dẫn theo trước sau, mọi người đi men theo đảnh núi mà xuống, suốt ba ngày thì tới đất bằng, đến Đổ-hóa-la; các đô cấp xưa cũ. Đi núi có tám trăm con đường rất khó khăn hiểm trở, gió lạnh buốt xương. Sư đến nước Ủ Hoạt, trên đường đi qua đều thuộc Bắc Định mà Vua Xứ đó là nối tiếp giòng dõi của Đột-quyết, thống lãnh các giống người Hồ, coi sóc chung các thiết môn cho đến các nước nhỏ phía Nam.

Từ đó thẳng xuống hướng Đông mới đi vào Thông lãnh. Thông lãnh chiếm cứ ngay giữa Châu Thiệm-bộ, phía Nam tiếp liền với núi Tuyết, phía Bắc đến tận Biển nóng, phía Đông dẫn vào Ô Sái, phía tây đến tận Ba-tư, ngang rộng tất cả mỗi phía đến mấy ngàn dặm, quanh năm đều đóng băng tuyết. Từ trên đảnh và men theo sườn núi nguy hiểm, hơn nửa lưng chừng núi trở xuống thường có mọc hành núi, nên

nhân đó mà gọi tên là Thông Lãnh. Người xưa nói rằng: "Thông lãnh dừng tuyết, tức là núi Tuyết". Nay đích thân xem xét thì biết không phải. Vì núi Tuyết nằm ở phía Nam Thông Lãnh. Ở hai phía Đông Tây phô bày biển cả, phía Nam thì trông tới đồng trống bằng phẳng, phía Bắc thì tới Tùng sơn, nên gọi là Thông lãnh.

Sư lại theo đường núi thẳng về hướng Đông, đi qua mười nước hơn hai ngàn dặm, là đến nước Đạt-ma-tất-thiết. Cảnh trí ấy nằm giữa khoảng núi, hai phía Đông tây rộng một ngàn sáu trăm dặm, hai phía Nam bắc nơi rộng nhất chẳng quá bốn, năm dặm, tới sông Phược-sô, từ phía nam mà đến, chẳng lường biết được cội nguồn của nó, chùa tăng có hơn mười ngôi, có một pho tượng bằng đá, phía trên đặt cái lọng tròn bằng đồng mạ vàng, nếu có người đi nhiễu quanh thì lọng cũng tùy theo đó mà xoay chuyển, không do máy móc khéo léo, chẳng thể lường biết được điều tự nhiên đó. Lại theo đường núi đi về hướng Đông gần một ngàn dặm là tới nước Thương-di, phía Đông đến giòng sông lớn, rộng hơn ngàn dặm. Ở phía phía Nam bắc hơn một trăm dặm tuyệt nhiên không có người ở. Tại dòng sông có ao rồng, hai phía Đông Tây rộng ba trăm dặm, và Nam bắc rộng năm mươi dặm. Ao ấy nằm trong Đại Thông Lãnh, là chỗ đất rất cao trong Châu Thiệm-bộ. Làm sao biết được? Vì ao đó lưu xuất ra hai dòng sông đều chảy về hướng Tây đến nước Đạt-ma-tất-thiết, hợp cùng với sông Phược-sô. Từ đó trở về hướng Tây đều là dòng chảy về Tây, còn dòng ở phía Đông chảy đến ranh giới phía Tây của Khư-sa, hợp với sông Tỷ-đa. Từ đó trở về phía đông, các dòng sông đều chảy về hướng Đông, nên chia thành hai dòng sông, đều chảy vào Biển Tây nên biết nó là Cao. Trong ao ấy có xuất hiện trứng chim rất lớn như cái đấu, theo nước Điều-chi thì trứng lớn như cái vò, há chẳng phải đó ư?

Lại đi về hướng Đông khoảng năm trăm dặm là đến nước Yết-đàn-bà, phía bắc gối lưng với sông Tỷ-đa, tức là chỗ mà trong các kinh gọi là sông Tất-đà, theo hướng Đông chảy vào đầm muối rồi ngầm vào trong lòng đất, tuôn trào ra bãi đá làm thành sông Đông Hạ. Nước đó rất sùng tín Phật Pháp. Về phía Đông nam của thành hơn ba trăm dặm, có sườn lớn của hai ngôi thất, mỗi nơi có một vị La-hán hiện nhập Diệt định đã hơn bảy trăm năm, râu tóc dần dần dài ra, Chư Tăng ở gần đó hằng năm đều đến cắt tỉa. Sư lại đi về hướng Đông hơn ngàn dặm nữa mới ra khỏi Thông lãnh, đến nước Ô Sái. Thành gần với sông Tỷ-đa. Ở phía Tây có ngọn núi lớn, ven sườn núi tự sụp đổ, bên trong có vị tăng thầm lặng ngồi nhắm mắt, hình dáng rất kỳ vĩ, râu tóc rủ xuống tới tận

vai, hỏi nguyên do mới biết đó là người ở thời Phật Ca-diếp, gần đây sườn núi sụp đổ vùi lấp trong lòng núi. Khi đến nước đó, Sư chẳng đi bằng voi, mà đến trước để đo sông Tuyết tới chiều, voi mới đến, nước sông dần dâng lên, chẳng rõ biết đường núi, tìm theo núi mà xuống thẳng. Ngà voi vướng vào cây ven bờ núi, tánh voi hung dữ trở lại nhổ vất nhanh, do đó mà bị chết. Sư buồn hận con đường đi qua đã vượt núi nguy hiểm, sắp đến miền đất bằng phẳng, mà chẳng thành đạt sự mong cầu!

Từ đó, lại tiếp theo hướng Đông, đi qua Sơ-lặc mới đến Trở-cừ, đường dài hơn ngàn dặm. Trong đồng bạn có năm trăm người đều cùng nhau suy cử Sư làm Đại Thương Chủ và đặt Sư ở giữa doanh trại, bốn phía canh phòng gìn giữ. Vả lại, từ nước Trở-cừ, từ trước đến nay thường gìn giữ mười bộ kinh lớn, mỗi bộ có tới mười muôn bài kệ. Như trước đây tương truyền đó là Quốc bảo nên giữ gìn không cho phân tán. Nay thuộc về xứ Đột-quyết. Ở phía nam có ngọn núi lớn, hiện tại có ba vị La-hán nhập định Diệt Tận. Lại theo đường hướng Đông đi khoảng tám trăm dặm là đến nước Vu-độn. Đất ở đó toàn là Cát và đất mềm. Chùa Phật có hơn trăm ngôi, Tăng chúng khoảng năm ngàn vị, đều tu học giáo nghĩa Đại thừa. Chùa ở núi nằm về phía Tây của thành là nơi xưa kia Đức Phật từng đi đến. Có hang đá rất lớn, có vị La-hán đang nhập định, cửa hang đóng bít. Ban đầu, khi đã đến Thông Lãnh, Sư bảo người hầu mang Biểu Văn đi về trước tấu trình với triều đình. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân – thời tiền Đường) ban sắc thăm hỏi, bảo nên sớm cùng gặp gỡ. Song đến nước Vu-độn, vì voi chết nên kinh tượng đang giữa đường đi, không có phương tiện vận chuyển, Sư lại dâng biểu cầu xin, sau đó, Vua Thái Tông có ban biệt sắc cho vua nước Vu-độn cung cấp các phương tiện để chuyên chở. Vua nước Vu-độn đã vâng theo nghiêm sắc cho Lạc-đà, ngựa cùng vận chuyển đến Sa Châu. Lại nhờ biệt sắc, tính liệu hành trình thù đáp, giá trị thuê mướn, ngay đó chuyên chở theo từng trạm có đến hai mươi trạm.

Đến ngày hai mươi bốn tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (sáu trăm bốn mươi lăm), Sư mới về tới phía Tây của Kinh Giao. Kẻ tăng người tục cùng nhau đổ xô ra các cửa đầy ních có đến mấy mươi muôn người, như gặp được Đức Phật hạ sinh. Sắp vào kinh đô, người vật tung hô ủng hộ, xô đẩy không thể tiến tới được, nên phải dừng ở tại biệt Quán, suốt đêm canh cấm gìn giữ, vì bị cản ngăn dừng nghỉ bên đường. Từ phía Tây Nam thành cũ đến kinh đô, đường chu tước đều dừng trạm dài xa hơn hai mươi dặm. Mọi người kính lễ bái

yết, không được xoay quanh. Bấy giờ, xa giá về đến lạc Dương, Sư bèn để các thứ kinh tượng vào chùa Hoằng phúc. Tăng chúng ở kinh ấp đua nhau giăng bày phan phướn hỗ trợ đón rước trang nghiêm. Bốn bộ rầm rĩ lại gấp bội so với lúc mới đến. Ngay lúc ấy lại cảm điềm mây hiện giữa trời phía Bắc xoay tròn như cái lọng. Các mầu sắc hồng trắng soi chiếu lẫn nhau. Và ngay trên tượng phát ra tướng vòng tròn sáng, chẳng xoay quanh mặt trời. Mọi người cùng nhau khen ngợi kính ngưỡng từ giữa trưa cho đến chiều. Khi vào tới chùa Hoằng Phúc mới bắt đầu hết diệt. Đến nỗi khiến khắp kinh đô, bốn hạng dân chúng đều bỏ công việc, bảy chúng Đệ tử Phật đều quy hướng vâng thừa. Đương thời kỳ ấy, Sư kính ngưỡng cao độ từ xa xưa thật chưa từng có.

Sư tuy gặp phải lắm sự hỏi han, song riêng giữ mình nơi Quán Vũ, ngồi giữ sự thanh nhàn, sợ vùi lấp trong mọi sự bàn luận nên chẳng đến đối đáp. Lúc đến bên bờ sông Lạc, đặc biệt nhờ sự an ủi thăm hỏi và dâng hiến các vật báu lạ của các nước, dùng ngựa cõng chờ đó, và Biệt sắc dẫn vào Nội Điện của cung sâu, tận mặt ra mắt tôn nhan Vua Thái Tông, cùng bàn luận chân tục, chẳng sai lầm ý chỉ của nhà vua, suốt thời gian từ giờ mão đến giờ Dậu, mà chẳng biết thời gian dài lâu. Mãi đến lúc tiếng trống tắc lấp, nhà vua liền sự việc Nhung Chiên, hỏi Tội Liêu Tả, sáng sớm hôm sau lúc sắp xuất phát, lại ban sắc đồng đi. Sư viện cớ Bệnh khổ nên cố từ, đồng thời trình bày việc phiên dịch. Nhà vua chẳng trái lời thỉnh nguyện của Sư, bèn ban sắc tại kinh đô lưu giữ Lương Quốc Công Phòng Huyền Lĩnh chuyên việc trông coi xem xét, giúp đầy đủ mọi thứ cần dùng, mỗi thứ đều vâng theo Thiên Phủ.

Ban đầu, lúc Sư đang ở tại Ấn-độ. tiếng tăm Đạo phong đã vang động khắp năm xứ, khen ngợi người vật xứ Chi-na là lớn mạnh. Vua Giới Nhật và Chư tăng chùa Bồ-đề nghĩ nghe về nước này đã lâu ngày, chỉ cản trở bởi không có kẻ sứ truyền đạt tin tức nên chưa thể y cứ bằng chứng. Ở nước đó (Ấn-độ) thường truyền rằng: Tại Châu Thiệm-bộ có bốn vua thống trị. Ở phía Đông là Chi-na; là vua làm chủ cõi người, phía Tây là Ba-tư; là vua đứng đầu về vật báu, phía Nam là Ấn-độ; là vua đứng đầu về voi, và phía Bắc là Hiểm Duẩn; là vua đứng đầu về ngựa. Đều có nghĩa là cả bốn nước nhờ đó mà thống trị, tức là nói theo nhân thì Sư đã yên đến phù hợp với thuật đồng. Vua giới Nhật và Chư tăng mỗi mỗi đều sai Trung Sứ mang các kinh báu đến dâng hiến Đông Hạ (Trung Hoa) thì tín mạng Thiên-trúc do từ Sư mà thông, chỗ cùng cực của Tuyên thuật Hoàng Du. khi các Trung sứ đã trở về Tây Trúc, Vua Giới Nhật lại ban sắc Vương Huyền sách v.v.. tất cả hơn hai mươi

người theo sang Đại Hạ và đều ban tặng các thứ tơ lụa có hơn ngàn xấp. Vua và Chư Tăng số lượng mỗi người có khác nhau, đều đến chùa Bồ-đề, Chư tăng mời thợ đường phèn, bèn sai bảo hai người thợ và tám vị tăng đều đến Đông Hạ. Sau đó ban sắc sang Việt Châu đến Cam-giá tạo lập, đều được thành tựu. Trước tiên, ba vị tăng ở chùa Bồ-đề mang kinh đến trước. Nhà vua ban sắc thỉnh chư Tăng ở khắp Kinh thành để thiết trai cúng dường, rồi đến ở chùa Hoằng Phúc, phiên dịch các Kinh Đại Trang Nghiêm, v.v.. sau đó không lâu thì có tin Sư sắp về đến. Vua Thái Tông bèn ban sắc ngừng nghỉ, chờ đợi Sư về đến nơi Phiên dịch. Chúa Thượng trong lòng mong ngóng kính ngưỡng, có ban sắc chiếu rõ ràng mời Sư chóng đến, chỉ vì sự cố liên miên chẳng sớm trình đạt. Khi Sư đã nhìn thấy lạc cung thì tư tưởng càng sâu rỗng, liền bày việc phiên dịch, tìm chọn các bậc hiền minh. Nhà vua bảo: "Pháp Sư (Huyền Trang) đối với hai thứ ngôn ngữ Đường (Trung Hoa) Phạm (Ấn-độ) đều đọc xem thấu cùng, từ lý thông suốt, e sợ luống mở mang, nơi trắc lậu trọn thiếu sót Thánh Điển!" Sư bảo rằng: "Xưa kia nơi chốn phiên dịch của hai thời Nhà Tần, đồ chúng có đến ba ngàn vị. Tuy phiên dịch lưu truyền, còn sợ người đời sau không nghe, có tâm nghi ngờ trái với niềm tin, nếu chẳng tìm nêu đồng kính phụng khuôn phép huyền vi, chẳng lẽ dùng khả năng riêng mà vọng tham dự triều ủy?" Sư từng cố nài thỉnh mới được ban giáng hứa khả. Vua Thái Tông bảo: "Từ sau khi Pháp sư cất bước ra đi, Ta xây dựng chùa Hoằng Phúc. Ở đó tuy thiền viện nhỏ hổ nhưng tĩnh lặng có thể làm nơi phiên dịch. Mọi thứ cần dùng người vật sức lực phụ thuộc đều giao cho Huyền Lĩnh thương lượng chuyên lo chu cấp ưu đãi". Sư đã vâng lệnh vua trở lại chốn kinh đô, bèn thỉnh các Sa-môn Tuệ Minh, Linh Nhuận, v.v... đảm nhậm việc chứng nghĩa, Sa-môn Hành Hữu, Huyền Trách, v.v... đảm nhận việc biên tập. Sa-môn Trí Chứng, Biện Cơ, v.v.. đảm nhận việc ghi chép Văn. Sa-môn Huyền Mô Kiểm chứng Phạm ngữ. Sa môn Huyền ứng hiệu đính chữ sai.

Vào tháng năm năm đó (sáu trăm bốn mươi lăm) bắt đầu công việc Phiên Dịch Đại Bồ-tát Kinh tạng gồm hai mươi quyển. Sư đảm nhậm việc cầm bút và san lọc từ lý. Kinh ấy giải thích rộng về các Pháp sáu Độ, bốn nhiếp, mười lực, bốn Vô Uy, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, các Bồ-tát hạnh, hợp tất cả mười hai phẩm, gần bấn trăm trang giấy. Bên cạnh lại phiên dịch luận Hiển Dương Thánh giáo gồm hai mươi quyển. Sa-môn Trí chứng, v.v... thay đổi nhau ghi chép văn. Sa-môn Hành Hữu rõ lý Văn cú. Còn Sư lại gia công đào luyện. Tiếp đến lại phiên dịch Luận Đại thừa Đối Pháp gồm mười lăm quyển. Sa-môn Huyền Trách

ghi chép, không có thiếu sót. Sư lại soạn Tây vực truyện, gồm mười hai quyển. Sa-môn Biện Cơ đích thân tiếp nhận sự chỉnh trang trước sau. Và kiêm luôn phiên dịch các kinh như Phật Địa lục môn Thần chú v.v.., tất cả khoảng tám mươi quyển.

Các bản kinh giáo được phiên dịch từ trước đến nay, ban đầu theo tiếng Phạm viết ngược lại Bổn văn, kế đó mới trở lại thuận theo tục lệ này. Sau đó mới sửa lý Văn cú, khoảng giữa thêm bớt, phần nhiều rơi rớt toàn lời. Bản dịch truyền ngày nay đều do ý chỉ của Sư, ý nghĩ độc đoán, mở lời thành chương, từ do người tùy viết thì có thể bày xem. Các bản văn do các vị Thượng Hiền ở Thời Ngô Ngụy phiên dịch đều qúy trọng câu văn của tiếng Phạm Tây Vực, ràng rịt liên loại chồng chất bày bố. Văn nghĩa thời tiền Đường lại lắm phiền phức nên khiến những người giỏi chuyên coi vị trí ấy. Do đó, Sư xem suốt từ nghĩa, thêm qua phần giản tiết, đánh dấu văn bản để khắc thành, ghi chép khéo léo.

Bấy giờ, Vua Thái Tông chuẩn bị xa giá trở lại Tây Kinh, Sư bèn soạn Biểu Văn tấu trình, và cầu xin đề lời tựa ở các bản kinh luận vừa mới phiên dịch. Nhà vua ban sắc chiếu viết tay rằng: "Pháp Sư từ trước đã nêu cao hạnh, sớm vượt ngoài cảnh trần, nỗi thả thuyền báu mà đến bờ kia, tìm nghĩa mầu để mở pháp môn, mở mang truyền bá Đại pháp mà gạn lọc quét tẩy các phiền lụy. Do đó, mây lành như muốn cuộn, duỗi ra đó mà che khắp bốn Không, mặt trời tuệ sắp tắt, khêu sáng lên để chiếu soi Bát Cực. Người duỗi mây khơi sáng đèn ấy chỉ có mình Pháp sư? Trẫm sở học cạn cợt, tâm ý vụng về. Đối với mọi vật còn mê lầm huống gì là Phật pháp sâu xa mầu nhiệm, đâu dám ngưỡng trông lường xét. Mà Pháp sư xin ta viết lời tựa các kinh, thật chẳng phải điều thấy biết của Trẫm!"

Sư soạn "Tây Vức truyện", nhà vua tự xem đọc. Và lúc Sứ giả Tây vực trở về Ấn-độ. Vua ban sắc hơn hai mươi vị, cùng theo sang Ấn-độ. Từ trước đến nay Quốc mạng thông nghị trung thư ban sắc dùng phương ngôn của cõi khác, mục đích là phù hợp, mới phiên dịch thành tiếng Hoa nương tựa theo tiếng Phạm Tây Vực, văn từ nặng nhẹ khiến cho người đọc tôn sùng Đông hạ. Nhà vua lại ban sắc cho Sư phiên dịch năm ngàn văn bản của Lão Tử từ tiếng Hoa thành tiếng Phạm để đưa tặng sang Tây Vực. Sư bèn mời các Đạo sĩ Hoàng Cân nói về nghĩa mầu sâu xa của Đạo giáo để Sư thu thập nhận rõ từ chỉ, mới bắt đầu phiên dịch. Các Đạo Sĩ Thái Hoãng, Thành Anh, v.v.. đua nhau dẫn nêu Thích luận, huyền ý trong Trung Luận Bách luận dùng để tương thông với Đạo kinh. Sư bảo: "chỗ đến cùng của Phật giáo và Đạo Giáo khác

nhau như trời vực, đâu thể lấy lời Phật để tương thông với nghĩa Đạo?" cuối cùng tra xét gốc tích ngôn ngữ vốn không có chỗ để theo, Đạo sĩ Thái Hoãng mới dùng tình cảm nói rằng: "từ xưa tương truyền là nhờ Phật giáo, còn như Tam luận, Hoãng tôi bắt chước vâng theo chuẩn nghĩa u thông không gì chẳng đồng hội nên mới dẫn giải. Như Luận do Sa-môn Tăng Triệu soạn, trích dẫn Lão Trang rất nhiều. Còn tự trình bày rõ ràng, chẳng lấy làm quái lạ. Lời Phật tợ như Đạo, đâu có sai lầm luân ngôn." Sư bảo: "Lúc Phật giáo mới mở bày giáo hoá, ngôn ngữ sâu mầu còn phải giữ lại. Lão giáo bàn nói về huyền lý, phải nương gá vào lời Phật. Luận của Sa-môn Tăng Triệu hiện đang lưu truyền trích dẫn là liên loại. Đâu thể dùng từ dụ để thành thông cực. Nay, kinh luận rất dồi dào, tất cả đều có Tư Nam. Đạo Lão chỉ có năm ngàn luận mà không Văn giải. Ngoài ra còn có cả ngàn quyển phần nhiều là y phương. Còn như ở xứ này còn có các vị như Hiền Minh, Hà Yên, Vương bật, Chu Ngung, Tiêu Thích, Dịch Cố Hoan v.v.. có tới vài mươi nhà chú giải về Lão Tử sao chẳng dẫn dùng, mà lại bàng thông đến Phật Giáo. Ấy chẳng là đẩy bước vượt dấu vết ư?" Thế rồi, Sư căn cứ văn bản để phiên dịch xong, sắp muốn phong lặc, Đạo sĩ Thành Anh bảo rằng: "Kinh điển của Lão giáo rất sâu kín, nếu chẳng bày dẫn, đâu có thể cùng thông? Nên xin phiên dịch cho". Sư bảo: "Đọc xem văn sửa thân, trị nước của Lão giáo văn từ đầy đủ, mà lời tựa dẫn như gõ răng nuốt nước bọt, ngôn từ thấp hèn, e sợ người Tây Vực nghe biết về Dị Quốc, thật thẹn thùng với nước nhà!" Đạo sĩ Thành Anh v.v.. đem việc ấy tấu trình lên các quan Tể phụ. Sư lại vì phô bày tình tiết. Trung Thư Mã Châu hỏi rằng: "Ở Tây Vực có Đạo nào như Lão Trang chăng? Sư đáp: "Ba mươi sáu đạo giáo ở Tây Vực đều muốn siêu sinh. Các Sư tiếp thừa có sự vướng mắc cuối cùng chìm đắm trong các Hữu. Còn như phương thuật Thuận Thế tứ đại, Tông chỉ Minh sơ lục Đế, ở Đông Hạ thấy nói bày. Nếu phiên dịch về lời tựa Đạo Lão thì sợ kia cho là chuyện tiếu lâm mà chẳng phiên dịch." Sư cho rằng điểm rốt cùng của việc mở mang khen ngợi, chớ chuộng theo đế vương. Mở mang khai hóa lưu bố đó là điều qúy trọng từ xưa.

Sư lại dâng Biểu Văn rằng: "Kính vâng mặc sắc, ban rủ giúp bày. Cầu vâng phụng luân ngôn, tinh thành giữ sự chấn vượt. Huyền Trang tôi nghiệp còn luống sợ, lầm tham pháp lữ, may thuộc cửu doanh, có dứt bến biểu không lo. Nhờ Hoàng linh mà đi xa, cậy uy nước mà hỏi Đạo. cuối cùng, từ xa mạo hiểm, chỉ dốc hết sự ngu thành, biên soạn đặc dị, ôm giữ trống không, thật là nhờ triều hóa. Các Kinh luận thỉnh

cầu được đã vâng sắc phiên dịch, hiện tại đã thành pho quyển mà chưa có lời tựa giải thích, cúi xin Bệ hạ thấu hiểu suy tư như mây bủa, hoa trời ngời sáng cảnh, lý trùm muôn tượng, điều vượt hàm anh, hơn ngàn xưa vì lên tiếng, bít trăm vua mà lên thật. Trộm nghĩ rằng: Thần lực vô phương, nếu chẳng phải Thần Tư thì chẳng đủ để giải thích lý ấy. Thánh giáo mầu nhiệm xa vời, nếu chẳng phải bút Thánh, làm sao có thể giải bày ngọn nguồn! Nên mới mạo muội phạm đến oai nghiêm, dám mong xin đề mục Thần quyến xung mạo chẳng rũ lòng xót thương, vỗ về tự thân chẳng dám lên hơi tiếng, đoái hoài nhau thì mất mưu kế. Huyền Trang tôi nghe "Mặt trời, mặt trăng rực rỡ khắp trời đã chiếu soi nơi nhà cửa, sông rạch khắp đất, cũng chảy đầy bến bờ hang hóc. Mây hoà nhạc rộng, chẳng giấu ảnh hưởng đối với người mù điếc." Dám noi theo lý ấy mà xem trọng việc mong cầu. Cúi xin sấm mưa tuôn rũ, Thiên Văn soi chiếu, phối lưỡng nghi cùng lâu dài, cùng trời trăng mà đều cao xa. Nhưng lời mầu nhiệm nơi non Thứu, gá thần bút mà vang rộng xa. Nghĩa sâu mầu ở kê viên, nương anh từ mà tuyên xướng. Đâu chỉ nhỏ nhen với hàng Phạm chúng, riêng đội nhờ ân vinh, cũng khiến cho các loài mê muội nhung nhúc vượt thoát trần lụy mà thôi!"

Ngày, Sư dâng Biểu Văn tấu trình, nhà vua bèn ban sắc cho phép, nói cùng Phò Mã Cao Lý Hạnh rằng: "Ngày trước, con xin Trẫm vì cha của con mà làm văn bia. Nay, khí lực chẳng còn như xưa, nên Trẫm phát nguyện làm các công đức vì Pháp Sư (Huyền Trang) mà soạn lời tựa các kinh, chứ không thể làm Văn bia, con biết cho ta điều đó!"

Niên hiệu Trinh quán thứ hai mươi hai (sáu trăm bốn mươi tám) Vua Thái Tông đến cung Ngọc Hoa, tìm Sư đến. Nhà vua hỏi Sư: "Phiên dịch các kinh luận gì?" Sư đáp: "Đang dịch Luận Du-già." Vua hỏi: "Luận đó do vị Thánh nào soạn, và nói về nghĩa lý gì?" Sư trả lời đầy đủ mọi vấn đề, nhà vua bảo mang luận đến và tự xem đọc, rồi ban sắc kinh luân mới phiên dịch được viết thành chín bản rồi ban cho chín Châu lớn như Châu ung, Châu Lạc, châu Tương, Châu Duyện, Châu Kinh, Châu Dương v.v...

Sư lại cầu thỉnh vua viết lời tựa kinh.vua bèn soạn, đề tên là "Đại Đường Tam Tạng Thánh giáo tựa". Và ở tại điện Minh Nguyệt, Vua bảo Hoằng Văn Quán Học Sĩ Thượng Quan Nghi đối trước các Quan liêu mà xướng đọc. Lời tựa ấy, Vua viết rằng:

"Nghe rằng: Nhị nghi có tượng, hiển bày sự chở che muôn loại, bốn thời vô hình, thầm nóng lạnh để biến hóa muôn vật. Cho nên, nhìn trời xét đất, kẻ tầm thường đều biết được đầu mối. Rõ thấu âm dương,

bậc Hiền triết có ít người rõ được số ấy. Nhưng mà trời đất bao trùm âm dương mà dễ biết, bởi vì có tượng. Âm Dương ở nơi Đất trời mà khó cùng, vì vô hình. Nên biết tượng hiển hiện có thể bày, tuy Ngu mà chẳng lầm hoặc. Hình ngầm ẩn chẳng thấy, người trí còn mê mờ, huống gì Phật Đạo rỗng lặng, hoàn toàn sâu kín, cứu tế khắp muôn loại, phép thống ngự mười phương. Nêu oai linh mà không trên, nén Thần lực mà chẳng dưới. Lớn thì cùng khắp cả vũ trụ, nhỏ thì chỉ nằm trong mảy bụi. Không diệt không sinh. Trải qua ngàn kiếp mà chẳng xưa. Như ẩn như hiện. Chuyển vận trăm phước mà lâu dài. Nay, Đạo mầu bất động nhiệm mầu, noi theo đó mà không biết ngằn mé. Dòng Pháp Trạm nhiên, rót đi đó mà chẳng đo lường nguồn cội. Nên biết hàng phàm ngu máy động, tầm thường, nhỏ mọn nương nhờ chỉ thú có thể không nghi hoặc ư? Cho nên, Đại Giáo hưng khởi, nền tảng ở Tây Vực. Vượt tới đất Hán mà sáng tỏ mộng, chiếu soi Đông Độ mà tuôn rải Đạo từ. Xưa kia, lúc phân hình phân vết, ngôn từ chưa đuổi theo mà thành hóa. Ngay trong đời thường mà hiện thường, muôn dân kính ngưỡng đức mà noi theo. Đến lúc mất ảnh về chân, đời đổi nghi, vượt phàm thế. Kim Dung che lấp sắc màu, chẳng chiếu soi ba ngàn tương sáng. Tượng đẹp lạ mở khai Đồ, không đầu mối ba mươi hai tướng tốt. Khi ấy, lời nhiệm mầu rộng vang khắp, cứu giúp muôn loài trong ba cõi. Lời di huấn, xa tuyên xướng dắt dẫn chúng sinh lên Thập Địa. Nhưng chân giáo khó kính ngưỡng, chẳng thể một ở chỉ quy. Phép học dễ noi theo, tà chánh rối loạn. Do đó, luận về Không Hữu, hoặc theo thế tục mà đúng sai, Đại Thừa Tiểu thừa, chợt theo thời mà thạnh suy.

Có Pháp Sư Huyền Trang là bậc lãnh tụ pháp môn. Từ thuở ấu thơ đã có tâm trắng trong thông minh, sớm tỏ ngộ tâm ba không. Lúc lớn lên khế hợp với thần tình, trước ôm hạnh bốn nhẫn. Như thông gió, nước trăng không đủ để sánh với hoa trong sạch. Sương Tiên châu sáng, há có thể ví cùng sự đượm nhuần sáng sạch của Sư. Cho nên dùng trí thông chẳng lụy, thần xét vô hình. Vượt sáu trần mà chóng ra, riêng ngàn xưa mà không đối. Tâm bất động đối với cảnh, buồn thương sự tàn lụi của Chánh Pháp, gá lo toan về Huyền môn, bùi ngùi sự sai lầm của Văn sâu. Nghĩ muốn phân Điều chiết lý, mở rộng sự thấy nghe từ trước. Dứt bỏ tà ngụy, tiếp nối nguồn chân, mở mang từ nay cho hậu học. Vì thế dốc tâm hướng về Tịnh Độ, đi sang Tây Vực. Nương nguy ách xa dài, roi trượng một mình đi đến. Chứa tuyết sớm bay, đường đi mất lối. Kinh hãi cát bụi đêm đêm cuộn lên giữa hư không, khỏa lấp mờ trời. Muôn dặm núi sông, xua ráng mây mà tiến bước. Trăm lớp lạnh nóng,

đạp mưa sương để cất bước. Thật qúy trọng xem thường lao nhọc, cầu thành đạt nguyện sâu. Đi cùng khắp trời Tây tất cả mười bảy năm, đi khắp các nước, hỏi cầu Chánh giáo. Tám thứ nước Song lâm, nếm Đạo ăn phong. Lộc uyển Thứu phong, chiêm ngưỡng khác lạ. Thọ học chí ngôn nơi Chân thánh, nhận lãnh chân giáo ở Thượng Hiền. Tham cứu Diệu môn sâu kín, tinh chuyên thấu cùng nghiệp mầu. Giáo pháp nhất thừa ngũ luật chợt đến nơi ruộng tâm. Văn Tám tạng ba tráp, sóng cuộn ở cửa biển, bèn từ các nước trải qua, đem tất cả yếu văn trong Ba tạng gồm tất cả sáu trăm năm mươi bảy bộ, phiên dịch lưu bố ở Trung Hạ, tuyên dương nghiệp cao quý, dẫn mây lành ở trời tây, rưới mưa pháp tại đất Đông, Thánh giáo thiếu sót mà lại vẹn toàn. Chúng sinh tội lỗi mà lại được phước. Dập tắt nóng bức nơi nhà lửa, cùng quét sạch bụi mê, soi sáng sóng hôn mê trên sông ái, để đồng đến bờ kia. Vậy đủ biết nhân xấu ác là nghiệp rơi đọa, khéo dùng duyên để đi lên. Đầu mối của đi lên hay rơi đọa, chỉ là chỗ con người nương gá. Thí như cây Quế sống ở đỉnh núi cao, mây móc mới được nở hoa, hoa sen mọc từ sóng biếc, bụi bay chẳng thể làm dơ bẩn lá. Chẳng riêng tánh hoa sen tự thanh khiết mà chất cây quế vốn trắng trong. Vì chỗ nương gá cao thì vật nhỏ nhệm chẳng thể nhiễm lụy. Nơi cây trông sạch thì loại dơ bẩn chẳng thể thấm bám. Thế nên,cỏ cây là vật vô tri còn nhờ duyên tốt mà được tốt. Huống gì con người có sự nhận biết, chẳng duyên nơi mừng vui mà cầu mừng vui, mới có thể mong mỏi. Kinh ấy lưu truyền ban trải, cùng mặt trời mặt trăng mà chẳng cùng tận. Phước ấy bày xa cùng đất trời mà mãi mãi rộng lớn!"

Trăm Quan đều khen ngợi vui mừng. Sư lại dâng tấu Biểu Văn cảm tạ rằng:

"Huyền Trang tôi trộm nghe rằng: Sáu Hào sâu sắc chỉ hạn cụcở nơi sinh diệt, tên gọi đúng của trăm vật chẳng liên quan tới Cảnh chân Như. Như hãy xa nêu bày sách vở của Thần Hy, thấy sâu kín mà chẳng lường được sức thần. Xa tưởng đến Đồ Kế của Hiên Viên, trải qua chọn lựa đều kết quy về sự tốt lành ấy! Cúi mong Hoàng Đế Bệ Hạ từ Ngọc hào giáng chất, Kim Luân ngự trị đất trời, mở rộng chín châu của Tiên Vương, che lấp mặt trăng của trăm ngàn. Xét xem khu vực của nhiều đời, thâu nạp Pháp giới như Hằng sa, bèn khiến tinh xá Cấp Viên đều nhập vào Đề Phong, Linh Văn Bối diệp thảy kết quy về san phủ. Nhân xưa của Huyền Trang chấn tích cũng tham yết núi Kỳ-xà-quật, đường đi trải qua muôn dặm, cậy uy trời mà chỉ như thước tấc. Chẳng ngồi ngàn cánh mà đến Song Lâm chỉ chừng như bữa ăn. Sưu tìm ba Tạng, đến tận

chỗ cất chứa của cung rồng, nghiên cứu Nhất thừa, thấu cùng Di Chỉ ở Thứu Lãnh, đều đã chuyển chở đến Bạch mã, lại dâng hiến tới triều đình. Bỗng nhiên được hạ chiếu bảo ban phiên dịch. Huyền Trang tôi sự nhận biết trái với Long Thọ, sai lầm làm nhục vinh hạnh của Truyền đăng. Tài khác với Mã minh, thẹn sâu sự Thông minh của Tả Bình. Các kinh luận đã phiên dịch rất nhiều sai lầm, cho nên đội ân trời lưu thần đề tựa. Văn vượt ngoài tượng hệ, như nhóm mặt trời mà phát ra ngàn tia sáng. Lý bao gồm các môn huyền diệu, đồng mây trí tuệ đượm thắm trăm cây cỏ. Một lời giảng nói đến muôn ức kiếp ít được gặp. Bỗng nhiên vì bé nhỏ sống gần được vâng thừa Phạm hưởng. Thật hớn hở vui mừng như nghe thọ ký!"

Ngày Sư tấu dâng Biểu Văn cảm tạ, sau đó, Vua Thái Tông liền ban sắc rằng: "Trẫm tài năng kém với Khúc Chương, ngôn từ hổ thẹn cùng Bát Đạt. Còn như đối với Nội Điển là chỗ chưa được nhàn rỗi mà đọc xem. Hôm qua soạn bản văn lời tựa rất quê kịch vụng về, chỉ sợ vậy do bút mực nơi thẻ vàng, nêu bày ngói sỏi nơi rừng châu ngọc. Bỗng được thư đưa đến lầm vâng thừa ngợi khen. Trẫm vỗ mình xét nghĩ càng thêm dày mặt. Khéo chẳng xứng đáng, không nhọc đến cùng cảm tạ!" Sư lại dâng biểu văn cảm tạ. Vua Thái Tông lại ban sắc viết rằng: "Lúc xưa, trẫm chẳng từng đọc xem kinh, lại thêm không tài trí, bỗng nhiên soạn lời tựa bộ luận, lại ô uế văn kinh. Xem lời thư gởi đến, uổng được ngợi khen, thẹn gặp khen luống, chỉ thêm xấu hổ!"

Từ đó, các bậc Anh đạt trong triều đình đều bày tỏ sự khen ngợi. Phật giáo mở mang hưng thạnh, khí tiếp thành bóng che. Hoàng Thái tử thuật lại "Tam Tạng Thánh giáo tựa" do Vua Thái Tông soạn, viết rằng:

"Hễ mở mang Thánh giáo, nếu chẳng phải người trí thì không thể mở rộng Văn Kinh, nêu cao lời mầu, mà không phải bậc Hiền thì chẳng thể định được Tông chỉ. Bởi vì chân như Thánh Giáo là Huyền tông của các Pháp, là khuôn phép của các kinh, bao gồm lớn lao, yếu chỉ sâu xa. Cùng tận tinh vi của Không Hữu, thấu suốt cơ yếu của sinh diệt. Văn từ hay đẹp, Đạo ý sáng sủa, nghiêm tầm chẳng thể tận cùng nguồn gốc. Văn ngôn hiển bày, nghĩa lý sâu xa, người trải qua không thể lường biết được ngằn mé. Nên biết, Thánh từ trùm khắp, nghiệp không thiện thì chẳng thể đến, Diệu hoá trải bày, duyên chẳng ác thì không cắt đứt. Khai mở giềng mối của lưới pháp, hoằng hóa Chánh giáo của sáu Độ, cứu vớt mọi than thở của muôn loài, mở mang Bí cục của ba tạng. Vì vậy, Danh không chắp cánh mà bay xa, Đạo chẳng cội rễ mà mãi vững

bền. Đạo Danh thường lưu, trải suốt từ xa xưa mà giữ thường. Đến thân cảm ứng, qua nhiều kiếp mà không hủ mục. Sáng chung tối phạm, giao hưởng hai âm ở non Thứu, Tuệt nhật Pháp lưu, quay hai bánh xe ở Lộc uyển. Bày lọng báu trên hư không, tiếp mây lành mà cùng bay. Vườn trang rừng xuân cùng hoa trời hợp sắc thái.

Cúi mong Hoàng Đế bệ hạ Thượng huyền giúp phước, duỗi tay khoanh tay mà sửa trị tám hoang, đức trùm khắp muôn dân, lạy mà chầu muôn nước, ân thêm gánh nặng, hang đá kết quy văn lá Bối, thấm đượm côn trùng. Rương báu lưu giữ kệ Phạm thuyết. Bèn khiến nước sông A-nậu-đạt chung cho cả tám dòng sông của Thần Điện. Núi Kỳ-xà-quật nối liền với non biếc của Tung Hoa. Trộm nghĩ: Pháp tánh bất động vắng lặng, không quy tâm thì chẳng thông. Trí Địa sâu mầu, cảm sự khẩn thành mà hiển hiện. Đâu có nghĩa là đêm dài tăm tối chập chùng mà đốt sáng đuốc tuệ, chiếu sáng nơi nhà lửa, ban rưới mưa pháp. Do đó, trăm sông tuy khác dòng mà đồng gặp ở biển cả. Muôn khu phân nghĩa, nhưng tất cả thành ở sự thật. Há cùng Thang Võ so sánh kém hơn, Nghiêu Thuấn ví cùng Thánh Đức hay sao?

Pháp sư Huyền Trang vốn là người thông minh, lập chí đơn giản Thần tình trong sáng từ tuổi bé thơ. Thể thức vượt trội cuộc đời phù hoa. Lắng tình ở Định thất, giấu vết nơi hang sâu. Dừng nghỉ ở Tam Thiền vân dụ khắp mười Địa. Vượt cảnh sáu trần, riêng bước Ca-duy. Gặp được yếu chỉ Nhất thừa, tùy cơ duyên khai hóa chúng sinh. Vì ở Trung Hoa không chất nên tìm chân văn ở Ấn-độ. xa vượt Hằng sa trọn mong cầu mãn tự. Từng lên núi Tuyết, lại đi suốt nửa trái đất. Qua lại hỏi Đạo ròng rã suốt mười bảy năm. Hoàn bị thấu suốt kinh điển nhà Phật, lấy việc lợi vật làm tâm. Đến ngày mồng sáu tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (sáu trăm bốn mươi lăm) Sư vâng sắc trụ chùa Hoằng Phúc phiên dịch Thánh giáo, khai mở dắt dẫn dòng Pháp của biển lớn, tẩy rửa trần lao mà chẳng cạn, truyền ánh sáng dài của đèn trí, soi sáng tối tăm mà thường tỏ. Nếu chẳng gieo trồng duyên tốt từ lâu xa thì sao có thể hiển dương ý chỉ ấy? Cái gọi là Pháp Tánh thường trú ngang bằng ánh sáng của Tam quang. Hoàng Đế Bệ Hạ phước đến đồng như sự bền bỉ của nhị nghi! Cúi đầu trông xem Ngự chế lời tựa của các kinh luận, soi xưa vượt nay, lý ngậm cùng âm vang của vàng đá, Văn bao gồm đượm nhuần của gió mây. So sánh như dùng lấy mảy bụi đủ khiến cho núi non sụp đổ, sương móc thêm lan tỏa. Lược nêu đại cương để làm lời ký này!”

Từ đó, Sư thường ra vào nơi Nội cấm, thưa hỏi trầm ẩn, phiên dịch

nối nhau chẳng sai trái với cơ pháp. Vua ban tặng một bộ pháp phục vân nạp, xinh đẹp tuyệt diệu xưa nay. Vua lại ban sắc cho trong nước mỗi chùa chọn năm vị tăng duy trì hạt giống Thánh. Đó đều do năng lực của Sư. đến tháng mười. Sư theo xa giá vào kinh, ở tại Bắc quyết, xây dựng Viện Hoằng Pháp. Và Sư thường ở tại đó. Ban đầu, ở Khúc Trì, nhà vua vì hoàng hậu Văn Đức mà xây dựng chùa Từ Ân, thỉnh Sư ở đó độ ba trăm người. Và có ban lệnh ở phía Tây bắc chùa xây dựng viện Phiên dịch kinh, đồng thời cung cấp cho mười lăm vị đệ tử mới độ. Ở chùa Hoằng Phúc chỗ Sư ở cũ cũng ban cấp mười vị. nay Hoàng Thượng tiếp nối ghi chép vốn được trân kính. Tìm Sư vào lo hỏi giữ lễ cung kính khác thường.

Đến niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (sáu trăm năm mươi mốt), Sư xin xây dựng Phạm Bản kinh Đài, nhờ được sắc chiếu ban tặng mọi vật nên chóng được thành tựu. Nhà vua lại tìm mời Sư vào nội cung, ở điện Tu Văn, phiên dịch các Luận Phát Trí, v.v.. Nhà Vua ban sắc chiếu viết tay Phi bạch thư, an ủi hỏi han rất ưu hợp.

Tháng giêng niên hiệu Hiển Khánh thứ nhất (sáu trăm năm mươi sáu), Sư vì Hoàng Thái tử mà thiết đại trai hội ở chùa Từ Ân. Các hàng Triều thái đều đến. Hoàng Môn thị lang Tiết Nguyên Siêu, Trung thư lang Lý nghĩa Phủ hỏi rằng: "Phiên dịch kinh là việc lớn của Phật Pháp, chẳng hay Sư đức hạnh gì mà mở mang tỏ sáng ư?" Sư đáp: "Câu hỏi ấy của ông, là điều tôi thường ôm ấp! Phiên dịch kinh điển tuy địa vị thuộc ở chư tăng, nhưng giá trị sáng tỏ là đều nhờ ở Triều Qúy. Còn như Ngài Cưu-ma-la-thập ở thời Diêu Tần thì An Thành Hầu Diêu Tung ghi chép, Ngài Bồ-đề-lưu-chi ở thời Nguyên ngụy thì Thị Trung Thôi Quan ghi chép văn, vào đầu niên hiệu TrinhQuán (sáu trăm hai mươi bảy...), Ngài Ba-phả khi mới phiên dịch, thì Bộc Xạ Tiêu Võ, Thái Phủ Tiêu Cảnh, Hứ tử Đỗ Chánh Luân v.v.. trông coi xem xét định đoạt, nay thì không có được như thế, nên chẳng đủ để sáng tỏ rộng xa!

Lại nữa, tại chùa Đại Từ Ân, Thánh thượng tha thiết lo bồn đối với Phong thọ, xây dựng rất tráng lệ, vượt sự tốt lành của sự thật, không gì hơn bia tụng. Nếu nhờ được hai vị đặt để ngôn từ cho thì thật là vết tích bất hủ, tự mình ở xưa nay!" Tiết nguyên Siêu và Lý Nghĩa Phủ bèn hứa nhận. Sáng hôm sau, Vua sai bảo cấp sự tuyên đọc sắc chiếu rằng: "Chỗ cần các Quan nhân hỗ trợ việc phiên dịch đã phân xử xong, Văn bia ấy do trẫm tự soạn!"

Sau đó, Vua lại ban sắc viết rằng: "Việc phiên dịch Kinh điển ở chùa Từ Ân, Văn nghĩa cần phải khéo léo. Nên bảo Tả Bộc Xạ Vu Chí

Ninh, Trung Thư lệnh Lai Tế, Lễ Bộ Hứa Kính Tông, Hoàng Môn thị lang Tiết Nguyên Siêu, Trung thư Lang Lý Nghĩa Phủ v.v... nếu có chỗ không được ổn thì tùy việc nhuận sắc. Nếu cần học sĩ đảm nhận thì tìm cầu vài ba người." Đến lúc bia làm hoàn thành, thỉnh thần bút tự viết, được đặc biệt hứa khả. Ngày khắc đưa đến chùa. Tại chùa ở kinh đều dựng lập cờ phướn. Nhà vua lại ban sắc từ các hàng vương công trở xuống Thái Trường chín bộ và kỹ nhạc cả hai huyện. Xe đi theo hơn ngàn chiếc chuyên chở đến chùa Hoằng Phúc, đem lên đặt trên cửa An Phúc. Phủ lâm cùng đưa đến, các hàng sĩ nữ khắp kinh ấp đều dàn trải bên lề đường, từ bắc đến nam dài hơn hai mươi dặm, đầy cả đường cái, làm sáng tục lệ hưng Pháp không gì so sánh. Nhà vua lại sắc tặng áo nạp Sơn Thủy đẹp đẽ hơn trước, đều đầy ắp mặc có hơn trăm kiện.

Niên hiệu Hiển Khánh thứ hai (sáu trăm năm mươi bảy) Nhà Vua xa giá đến Lạc Dương dự theo an trí cung Thích Thúy ở Đông Đô, mời Sư vào Đại Nội, trụ tại viện Lệ Nhật, phiên dịch các Luận Quán Sở Duyên, v.v.. Sư lại ở tại cung Minh Đức, phiên dịch Luận Đại Tỳ-bà-sa, v.v..

Từ thuở thiếu thời, Sư đã xa quê cha đất tổ, tới lúc bạc đầu, Sư nói muốn trở về thăm hỏi bà con, nhưng đều đã lệch lạc qua đời hết, chỉ còn một người chị gái, Sư bèn đón rước để cùng gặp gỡ. Sư hỏi về mồ mả thì đều là an táng chưa cải táng, Sư bèn chọn chỗ đất tốt đẹp, để cải táng. Phía Tây Bắc núi Thiếu Thất; phía Đông Bắc huyện cũ Hầu thị, hang Phụng Hoàng, xóm Khống Hạc, làng Du Tiên là nơi ngài chào đời, cách không xa chùa Thiếu Lâm – do vua Hiếu Văn thời Bắc Ngụy (Thác Bạt Hoãnh bốn trăm bảy mươi mốt-năm trăm) xây dựng. Đó là nơi Sư phiên dịch luận Thập Địa. Ý nguyện Sư muốn nương gá vì nước nhà mà phiên dịch.

Sư lại được nhận sắc viết tay của vua ban rằng: "Trẫm xét vốn biết Pháp Sư muốn ẩn vết tích nơi suối hang, tìm rừng xa mà đi đến, gá lo toan nơi thiền tịch, nương theo các ngài Phật-đồ-trừng, Cưu-ma-la-thập để nêu gương cho ngày nay. Kính ngưỡng phong hóa tốt lành, thật là điều rất đáng khâm phục kính chuộng. Song, trẫm đây, nghiệp lanh vốn không, thiếu kém sở học, chẳng được nghiên cứu cao sâu, chỉ được sự biết cạn nghe sơ sài, chưa thấy biết được điều đáng thấy biết. Pháp Sư là bến bờ của ba cõi, cấp dẫn bốn loài. Trí sáng ngời đèn tâm, định ngưng lắng nước Ý. Chẳng phải chỗ tình trần xao động đâu biết sóng mà có thể kinh. Dùng đạo đức có thể yên, đâu phải ở Thái Hoa điệp lãnh. Vắng lặng có thể xả, đâu riêng Thiếu thất trùng loan. Mong cắt lời

đưa đến, chớ lại trình bày cầu thỉnh, tức là chợ sớm Đại ẩn, chẳng riêng qúy ở Hiền xưa. Thấy nghe mở rộng lợi ích, lại có thể qúy giá ngay đời nay!" Nhân đó, bèn thôi nói năng.

Niên hiệu Hiển Khánh thứ ba (sáu trăm năm mươi tám) Vua Cao Tông (Lý Trị) ban sắc vì Hoàng Thái tử mà xây dựng chùa Tây Minh. Khi hoàn thành ban lệnh mười vị tăng thượng phòng để sung cấp hầu việc. Có Kinh Đại Bát-nhã gồm hai mươi muôn bài kệ, mà tám Bộ ở tại Trung Hoa đều nằm trong đó. Sau đó không lâu, Vua ban sắc Sư ở tại cung Ngọc Hoa, phiên dịch kinh ấy, mọi sự cung cấp đều y cứ theo Chùa ở Kinh. Sư bèn được ở chỗ tĩnh lặng mà chẳng trái công việc phiên dịch.

Vào ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Hiển Khánh thứ năm (sáu trăm sáu mươi) Sư bắt đầu phiên dịch Đại bổn, đến cuối tháng mười niên hiệu Long sóc thứ ba (sáu trăm sáu mươi ba) gồm bốn chỗ mười sáu hội, gồm tất cả sáu trăm quyển, Bát-nhã Không Tông đến đây đã hết trọn. Tiếp theo thời gian đó, Sư lại phiên dịch các luận Thành Duy Thức, Biện Trung Biên, Duy Thức nhị thập tụng, phẩm loại Túc luận v.v... Qua tháng mười một, Sư tấu trình Biểu văn dâng kinh ấy, cầu xin vua soạn lời tựa cho bộ kinh. Ở tại cung Bồng Lai, Thông Sự Xá nhân Phùng nghĩa tuyên đọc sắc chiếu chấp thuận.

Thuở Bình sinh, Sư thường nguyện tương lai sinh về cõi nước của Đức Phật Di-lặc, đến lúc sang Tây vực, lại nghe hai anh em ngài Vô Trước và Thế Thâm đều sinh về cõi trời ấy, Sư lại từng cầu thỉnh và đều có hiển chứng. Sư có tâm chuyên chí càng thêm sự kính cầu cố gắng. Sau, khi đến cung Ngọc Hoa, chỉ có lúc nhàn rỗi, không khi nào Sư chẳng phát nguyện sinh về cõi trời Đổ-Sử-Đa (Đâu-suất-đà) để được thấy đức Phật Di-lặc. Từ khi phiên dịch xong Kinh Bát-nhã, Sư chỉ tự cố gắng tinh cần, hành đạo lễ sám.

Quan niên hiệu Lân Đức thứ nhất (sáu trăm sáu mươi bốn), Sư bảo chư tăng phiên dịch kinh điển và môn nhân đệ tử rằng: "Các Pháp hữu vi đều quy kết về hoại diệt. Hình chất bọt bóng đâu thể gìn giữ được lâu dài. Tôi năm nay đã sáu mươi lăm tuổi, chắc chắn mất tại cung Ngọc Hoa. Đối với các kinh luận, ai có nghi ngờ điều gì thì nay nên mau thưa hỏi". Mọi người nghe vậy lấy làm lạ, nói rằng " Tuổi Sư chưa đến đổi già suy sao lại nói ra điều ấy?" Sư bảo rằng: "Việc ấy hẳn tự biết lấy!" Rồi Sư bèn sang lễ từ Phật, trước hết Sư đến nơi thờ mười ức tôn tượng Câu-chi, lễ sám từ biệt. Có Các môn nhân hành giả, Sư đều bảo sẽ đi, nay từ biệt các ông cũng chẳng còn trở lại, trở lại cũng

không được!" Đến ngày mồng chín tháng giêng Sư bảo chư tăng trong chùa rằng: "Huyền Trang tôi đây chắc chắn sẽ chết. Trong kinh Đức Phật dạy." Thân này đáng chán ghét, giống như chó chết." nên sau khi tôi chết, chớ để gần nơi cung hoặc chùa, hãy đem đến chỗ núi vắng mà chôn đi."

Nhân đó, Sư hiện tướng bệnh, mở mắt nhắm mắt đều trông thấy hoa sen lớn mầu trắng xinh đẹp hiện đến, Sư lại trông thấy tướng kỳ vĩ, biết hẳn là sinh về trước Phật. Sư bảo chư tăng đọc lại danh mục các kinh luận đã phiên dịch, tất cả có bảy mươi ba bộ, một ngàn ba trăm ba mươi quyển. Trong lòng Sư tự vui mừng. Sư bèn gọi tất cả môn nhân và những người có duyên đều cùng nhóm họp. Sư bảo rằng: "Vô thường sắp đến, hãy mau lại cùng xem!" Sư đến điện Gia thọ, rưới nước thơm lên tượng bằng cốt cây Bồ-đề, đối trước chư tăng trong chùa và môn nhân mà từ biệt. Đồng thời, để lại Di Biểu xong, Sư bèn thầm niệm danh hiệu Phật Di-lặc. Sư bảo những người bên cạnh xưng niệm rằng: "Nam-mô-di-lặc Như lai Ứng chánh Đẳng giác, nguyện cùng hàm thức chóng được kính thờ Từ nhan." Nam-mô-di-lặc Như Lai trú về chúng. Nguyện khi xả bỏ thân mạng rồi được sinh vào trong đó." Đến ngày mồng bốn tháng hai, Sư nằm xếp chân nghiêng về phía phải, tay phải kê dưới đầu, tay trái duỗi theo mình, mọi âm thanh đều lắng động. Có người hỏi: "Đó là tướng gì?" Sư bảo: "Chớ hỏi, làm ngăn ngại chánh niệm của tôi." Đến nửa đêm mồng năm, Đệ tử hỏi Sư rằng: "Hòa-thượng có chắc chắn vãng sinh trước Đức Phật Di-lặc chăng?" Sư đáp: "Chắc chắn được sinh". Nói xong, Sư bèn dứt hơi thở, thần thức thoát đi, mãi đến hai tháng sau, nhan sắc dung mạo vẫn như thường. Lại có nhiều điều thầm cảm ứng, ở đây lược qua nên chẳng nói rõ.

Vua Cao Tông ban sắc chiếu ngày an táng, tất cả tăng ni ở kinh thành đều mang phướn lọng đến đưa tiễn. Do đó, lọng trắng phan trắng nỗi khắp giữa hư không như mây nhóm. Kèn buồn, tiếng phúng tụng u buồn, hơi khí át cả nhân thần, bốn loại người thế tục cho đó là bi lương. Bảy chúng Đệ tử Phật tiếc mến vì Sư thị tịch. Và an táng trong bốn mươi dặm tại gò Bạch Lộc, các hàng tăng tục cùng về dự đông đầy. Phần tháp Sư cũng gần tháp của Sư Trường Tiệp – anh Sư. Hoa lau bỗng nhiên nở trắng cả tháp, soi chiếu vào Đế thành. Sau đó, Vua ban biệt sắc cho cải táng tại Phần Xuyên để các Châu Huyện cùng biết, cung cấp lại lực, bèn khai quật khởi lên. Mọi người đều lấy làm lạ khen ngợi. Vì trải qua thời gian an táng đã lâu mà sắc tướng Sư vẫn như lúc đầu. Nếu chẳng do nguyện lực gìn giữ thì đâu thể được như thế?

Tôi (Đạo Tuyên) vì ám muội, lạm thấm đượm nơi pháp tịch của Sư gặp gỡ Sư, thường mở bày các việc. Nghe lời xem xét hạnh, Danh thật cùng giữ. Sư tinh cần cố gắng, sớm tối tính thời phân việc, bền chặt chẳng biếng lười, chuyên lo toan việc Phật pháp. Nói năng không danh lợi, thực hành dứt bặt luống dối. Phép biết cơ duyên, khéo thông vật tánh, chẳng ngông láo, chẳng dua nịnh, hạnh ẩn tàng đúng lúc. Nói ra Đạo vị sâu mầu, biên giải mở nghi luận, thật là bậc anh hiền ở thời Mạt Pháp! Là pháp tướng của Phật Tông!

Vả lại, Sư vào đạo từ tuổi bé thơ. Bẩm tánh đặc biệt khác thường. Nghe xem kinh luận, dùng đó làm việc thường. Đã đi khắp Đông Hạ, rót chước ở các bậc thầy, phơi bày can đảm, hết cả tinh nghĩa. Không ai chẳng điên đảo, rừng chầm càng sửa mới Học phủ. Bèn có thể cách chẳng xa vài muôn, hỏi cầu thắng pháp. Thệ xả hình mạng, mong cầu sẽ gặp được, phát khởi bày giúp đường lần lượt đến Long Sa, giữa đường gian nan nguy hiểm, thân tâm gần chết, khi đã đến Cao Xương, sáng lại gấp bội, truyền Quốc Tổ đón rước, đầy đủ Linh nghi. Trên đường đi đến thiết môn, thạch môn, đích thân Sư đi qua núi cát, núi tuyết. Trải qua nguy hiểm mà chí vẫn khảng khái, gặp phải giặc hung hữ mà tinh thần càng cố gắng mạnh mẽ, đầu vì kết quy, bẩm thọ chánh giáo. Nương thừa Luận sư Giới Hiền, Lý được nói bày, nghĩa chẳng cần lại trao, mở rộng Dị Luận, gói trọn trong lòng ngực, đến nỗi khiến các Phạm lữ khuynh tâm mà chẳng sót pháp. Lại nữa, Khởi Tín là một bộ luận xuất xứ từ ngài Mã minh, Chư tăng ở Tây Vực nghĩ muốn tiếp thừa bản luận ấy. Sư bèn vì phiên dịch tiếng Hoa thành tiếng Phạm, lưu thông khắp năm xứ Ấn-độ. vậy thì duyên của Pháp Hoá đông tây cùng nêu. Lại các luận khác ở Tây vực và Trung Hoa rất chuộng Thanh minh, Sư bèn quyết lòng thỉnh cầu quyết đoán, hễ trao liền hiểu. Còn như có bảy biến thế lực phát động khác vết, tam tuần quảng luận, khôi phục bày hoài bão, cho nên được chùa Trí Vô yểm, ba ngàn học tăng đều gọi Sư là Đãy Trí gìn giữ thành hào. Hễ ai trông thấy môi mép của Sư, nghe được văn từ nghĩa lý của Sư thì đều búng ngón tay khen ngợi. Sư là người thành đạt đến như vậy! Tùy chỗ đi qua ngoài bờ cõi Biển đông tất cả một trăm ba mươi nước, các hàng đạo tục chánh tà biết tiếng tăm Sư không ai chẳng kính đức hạnh quy y, càng khai mở niềm tin, có thể lấy làm sự vinh hanh cho nước nhà, Quang trạch chiếu xa, kính dâng đến hằng năm đều do công sức của Sư. Nếu Sư chẳng phải là bậc Thiên đỉnh trội vượt anh linh, mới sinh đã biết được Thánh truyền trao, thì làm sao có thể mở rộng mối mang ấy, dẫn dắt dấu vết để lại. Trước sau tăng truyện đến

Thiên-trúc, đầu tiên là ngài Pháp Hiển, Pháp Dũng, cuối cùng là đến ngài đạo Thúy, đạo Sinh cùng nhau tiếp nối, nửa đường có mười bảy trở lại. Được sự tỏ thông ngôn ngữ Hoa phạm, khéo đạt thể Văn, mở mang dẫn dắt phong hoá nước nhà, mở ngộ tà chánh. Không ai cao vượt hơn Sư. Chỉ tiếc hận các bộ kinh chưa được Sư phiên dịch còn hơn một nửa. Tuổi Sư thật chưa xế chiều, đủ để phiên dịch ra, nhưng vô thường chợt đến. Thật đáng tiếc thay!.

2/- Truyện Tam tạng Na-đề trụ chùa Đại Từ Ân ở kinh đô.

Tam Tạng Na-đề, đời Đường dịch là Phước Sinh. Nếu nói đủ theo tiếng Phạm thì phải là " Bố-Như-Ô-Phạt-Tà " nhưng vì ngôn từ dài dòng nên ở đây chỉ lược sai lầm mà gọi là Na-đề.

Sư vốn là người xứ Trung Ấn-độ, xuất gia từ thuở thiếu thời, được danh sư khai ngộ. Chí khí Sư oai hùng xa xăm, luôn có tâm mở mang Đạo pháp. Sư vân du ở các nước chỉ chuyên lo khai hóa chúng sinh, mà lại khéo thấu đạt Thanh minh, thông các Cổ huấn. Ở Đại Hạ gọi Sư là Văn Sĩ. Phỏng theo các tác phẩm Lan đài ở xứ nầy, tánh thích hiếu kỳ, thích nghe những bậc có sự tỏ ngộ, chẳng nệ xa xôi. Sư từng đến nước Chấp Sư Tử. lại theo hướng Đông Nam lên núi Lăng-già. Các nước ở Nam Hải, Sư tùy duyên mà đến khai hóa. Khéo hiểu thư ngữ. Sư đến đó tức liền diễn giải. Sư độ người, xây dựng chùa chiền, ở tại Trường Phiến. Sư vâng thừa đến nước Chỉ-na (Trung Hoa) ở phương Đông. Tại đó đang thạnh hành truyền bá Đại thừa, Phật Pháp hưng thạnh, là nơi tốt nhất của Châu Thiệm-bộ. Sư bèn sưu tập các thứ kinh luận luận Đại thừa, Tiểu Thừa hơn năm trăm giáp, tất cả hơn một ngàn năm trăm Bộ. Vào niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu (sáu trăm năm mươi lăm) Sư mới đến kinh đô. Vua Cao Tông (Lý Trị) ban sắc cho Sư chuyển đến trụ tại chùa Từ Ân do sở ty cung cấp.

Bấy giờ, Pháp Sư Huyền Trang đang làm việc phiên dịch, tiếng tốt vang xa, không có pho tượng, giữ sự tiêu điều. Bát-nhã là khó, đã chẳng nhờ dẫn, trở lại sung vào cấp sứ. Niên hiệu Hiển Khánh thứ nhất (sáu trăm năm mươi sáu) vua Cao Tông ban sắc Sư đến các nước Côn Lôn tìm hái thuốc lạ. Khi đã đến Nam Hải, các vua đều quy kính Sư mà xây dựng riêng chùa độ người, truyền Pháp. Mở mang hoằng hóa gấp bội hơn trước. Trước kia, Sư được sắc ban đến, đúng lý là phải trở về lại. Tại chùa Từ Ân, các Kinh điển bản Phạm được nghiên tầm lại.

Niên hiệu Long Sóc thứ ba (sáu trăm sáu mươi ba) Sư trở về chùa cũ, các kinh điển Sư mang theo đều được Pháp Sư Huyền Trang mang

ra đất Bắc, ý Sư muốn phiên dịch so sánh nhưng không có bằng chứng y cứ, nên chỉ phiên dịch được ba bộ kinh Bát Mạn-trà-lam Lễ Phật Pháp, A-sất-na Trí v.v.. yếu ước rất tinh vị có thể thường tu học. Năm đó, nước Chân Lạp ở Nam Hải vốn là nơi Hoằng Hoá của Sư rất kính phụng không thôi, nghĩ mong được có Sư, nên các bậc Tông sư cả nước vượt đường xa đến cầu thỉnh. Và nói rằng: "Ở nước ấy có thứ thuốc tốt mà chỉ có Sư là người biết được, nên xin tự hái lấy." Vua Cao Tông bèn ban sắc chấp thuận để Sư sang nước đó, song vết tích trở về thì chẳng biết!

Tôi tự hỏi khắp các hành nhân ở Đại Hạ rằng: "Tam Tạng Na-đề là môn nhân của Ngài Long Thọ, nhưng sự nhận hiểu của Sư so với Pháp Sư Huyền Trang rất trái ngược." Có vị Phạm Tăng Tây Vực bảo rằng: "Sau khi Đại Sư (Long Thọ) qua đời, người ấy (Na-đề) là bậc nhất hiểu sâu về Thật tướng, khéo thấu đạt phương tiện. Với năm Bộ Tỳ-ni của Tiểu Thừa, bốn Bộ Vệ-đà của Ngoại Đạo. không thứ gì ngài chẳng thấu đạt nguồn đáy, suốt rõ ngôn nghĩa. Văn từ tuôn ra như các hạt Châu liền nhau, lý sướng như ráng chiều nổi, Sư soạn Bổ Đại thừa Tập nghĩa Luận" có hơn bốn mươi quyển, sắp sửa phiên dịch thì bị sai nên thiếu sót. Phàm vì ôm ấp sự khen ngợi của lân. Đời có vết tích ấy, biết được người thật khó thay! Ngàn năm ít gặp. Sư mạng Đạo từ xa đến thầm giúp cho đất bắc, đã không nơi tiếp đãi, ba lần bị độc hại, sung vào Nam làm việc nặng nhọc, đường núi gập ghềnh mấy muôn dặm, Sư nhiều lần trải qua chướng khí, bèn phó mặc thân mạng ở đó. Than ôi! Thật đáng tiếc thay!

Luận rằng:

Xét về công việc phiên dịch thật là to lớn. Các Bản Văn lục trước ghi chép không được xứng đáng lắm. Vì sao? Vì lời truyện lý đã lầm, hoặc khiến Đạo Thanh có nguyên do khác lạ. Do đó đối với các bậc Hiền Thánh nhiều đời thì Phong hoá Tố thuật hoằng Đạo là kính tin hiền minh, ý vị hiến chương phiên dịch thì noi theo vết cũ, rất thấy ở ngôn từ người ấy. Giúp ích đã tròn hơi khéo thú hướng. Đến như tiếng Phạm là ngôn ngữ của Phạm Thiên, khai mở quê hương Đại Hạ, dấu chim mới vận ra khỏi phong tục của Thần Châu. Đầy đủ như ở Biệt Truyện. Đầy đủ khuôn phép tốt lành nên có kiêu hãnh, bấy giờ, vinh dự lạm đến truyền thuật, noi theo chuyển bày văn từ trái lại âm liệt dụ phiền lược khoa đoán nghĩ việc. Dấu vết ngôn ngữ tuy đồng, song, xét lý thì thành khác. Tự chẳng sáng tỏ hơn Tiên Thánh, Đức xa cả Hiền Xưa, mới có thể ẩn phát khác phương, dùng thông rộng cùng. Ngài Đạo An soạn luận có năm điểm thất lý dễ trông thấy. Ngài Ngạn Tông soạn

chúc Văn đưa ra tám trường hợp khó liên quan. Đó đều là người xưa thông suốt đầu mối, đâu vọng đăng lâm. Như các truyện trong chín đời hiện còn có giản lục. Thời Hán Nguỵ giữ gốc, gốc hẳn cách phù hoa, thời Tấn, Tống truyền bá thì mở bày nghĩa cử. Văn chất lớn lao, phúng vị dư dật. Thuở ấy vì giáng nhẹ một thời, vượt thật chưa nghe giảng ít ngộ. Đều do văn từ chuyển nghĩa ghi chép tình tâm, cùng khơi sóng cả mãi thành thể thức thông thường, đầy xe tròn tạng. Pháp bảo trường tồn được là ở dòng phước, mất là bởi sai lầm đua tranh. Nên mạnh mẽ trình bày cầu thỉnh văn từ đồng như cái đẹp ở đời. Chế Bản nhận hành chẳng chỉ ở chuốt văn. Còn như Thánh Ân đục sâu cũng có nguyên do. Nên các sách vở lưu truyền là diệt Pháp vậy. Tức là việc có thể mặc tình, huống gì trí thức ư? Nhưng vì tập tục sinh thường biết lỗi lầm mà khó sửa đổi, tuy muốn dời bước nhưng vẫn vùi lấp theo vết cũ. Kể, từ lúc Vua Minh Đế thời Hậu Hán, và cuối cùng là đời Đường, hễ phiên dịch truyền bá bản Phạm, phần nhiều tin ở người dịch. Sự việc nói thì dễ nhưng rõ nghĩa mong cầu thì ít thấy. Để tình độc đoán chỉ đảm nhận việc viết lách. Nếu như có xét sơ trở lại cũng vâng theo đầu mối cũ. Phạm Tăng chấp nghiệp tướng v.v.. thì trái tình, âm ngữ chẳng thông, đúng sai đều lạm. Còn như ba học thạnh điển cũng chỉ giải thích hạnh chỉ. Lời mầu của tám tạng mở khai từ nghĩa. Trước phiên dịch sau truyền bá chẳng rơi vào phong du. Xưa Triết nay Hiền Đức khác luật thường. Há chẳng phải Phương ngôn trở lại cản trở ức đoán là trao. Đời chuyển tươi sáng chợt đồng phù tục. Xưa kia, nghe Thuần phong nhã sướng đã ở tại Hoàng Đường, trau chuốt lầm tạp thật như lá cuối thu. Chẳng nghĩ vốn thật vọng tiếp nối văn từ bén nhọn, đua tranh góp nhặt sô nhiêu, lời trịnh trọng khó xếp đặt. Đại giáo ít lời vượt thế đặc biệt. Tám âm bốn biện diễn sướng không ngằn. Đâu được như kẻ phàm có tâm hư tham, Bậc thánh nghĩ toan dùng làm nêu phỏng. Tuy chỉ là nhạo thuyết chẳng cùng nhưng tùy loại tự hiểu. Lý mở ngoài tình, từ vượt trong Hoàn vũ. Hẳn phải sửa chuốt tốt lành nêu văn, đặc biệt nơi vàng ngọc cao, mới có thể tiếng tăm thông với nhạc trời, âm vận vượt quá lẽ thường. Gần thì Văn của Nhan Tạ đời Tấn Tống, ở đời ngóng chuộng mà không sánh bằng, huống là trái lại thì làm sao nói được? ắt dẫm theo vết đó thì thành tục biến. Trong đó lầm loạn thì làm sao đủ lời liên quan. Thuở xưa thì có ngài Pháp Sấm ở Tây Kinh, hiệu là Thông nhân. Ngài Đồng thọ (La-thập) ở thời Hậu Tần, người đương thời tôn xưng là Tăng kiệt, giỏi bày Văn ý, khéo nêu Kinh Tâm, thấu đạt ngôn phương, phong mạo cốt cách lưu tiện. Mở mang ở đời, chẳng thiếu

truyền thuật. Vào thời Tiền Tống thì có khai sĩ Tuệ Nghiêm Bảo Vân, thuộc hạng Hiền minh, chợt hưng khởi những việc làm trước, truyền đạt bộ lớn nối liền sáng tỏ dứt bặt dấu vết, e rằng gần gũi Hoa Tư, thừa tiếp Cổ huấn, khiến cho tiếng tăm lưu truyền ngàn năm. Cho nên như thế! Ngoài ra thì sự nghĩa tương truyền, đủ để khai mở thần phủ, đâu thể như bình dốc ngược mà nước chẳng chảy. Dụ như váng sữa mỏng lại còn đến ngày nay, hoàn toàn thiếu sót thọ tụng, đủ định tưới thấm. Ở đời, có Pháp Sư Huyền Trang riêng một mình cao vượt đồng loại, qua lại chấn động đủ khắp quán phương, có hơn trăm nước mà các bậc vua quan đều bái yết cung kính, nói bàn tiếp đối chẳng cần người phiên dịch, bày vạch ý chỉ sâu mầu, rất là hay ho. Nên dưới đời Đường, những người phiên dịch sau chẳng dám xem thường người trước. Cầm bản bày khám từng mở lỗi trước, đã thiếu toàn trái, chưa vội sửa chánh, liền lược bày đây lại có lời nào!.